TRI TÂN

TẠP CHÍ VĂN HOÁ

RA HÀNG TUẦN

Tòa báo và nhà in : 70, phố Bạch-Mai
Ty trị-sự : 195, phố Hàng Bông — Hanoi

TRONG SỐ NÀY :

* Nguồn gốc Hoa-tiên-ký (I) — *Đào duy-Anh*
* Quyển « Thi-văn bình-chú » (III) — *Nguyễn-văn-Tố*
* Hút thuốc lá có hại chăng ? — *Bác-sĩ Lê-văn-Ngôn*
* Những ông nghè triều Lê (LI) — *Ứng-Hòe*
* Tra nghĩa chữ nho (XXX) — *Nguyễn-văn-Tố*
* Cách ứng-dụng cái phương-pháp kia (IV) — *Nguyễn-trọng-Thuyết*
* Tòa nhà trưng bày về lịch-sử xứ Nam-kỳ ở Hội chợ Saigon năm 1942-43 (I) — *Trần-huy-Bá*
* Vấn-đề dịch sách (IV) — *Đỗ-Thúc*
* Nói về phép luận (I) — *Nguyễn-đình-Thi*
* Lớp thành-chung và trường cao-đẳng tiểu-học của người Pháp — *Nguyễn Nhân*
* Kết quả cuộc thi dịch thơ « đề cúc » trong phụ-bản số xuân
* Đêm hội Long-trì (Tiểu thuyết, XIV) — *Nguyễn-huy-Tưởng*

Năm thứ ba — **Số 91**
Thứ năm, 15 Avril 1943

0$20

NGUỒN GỐC HOA-TIÊN-KÝ

Số 1

ĐÀO DUY-ANH

SÁCH *Hoa-tiên-ký*, mà ta thường gọi là *Truyện hoa-tiên* là của Nguyễn-huy-Tự, người làng Trường-lưu, tổng Lai-thạch, huyện La-sơn (nay thuộc huyện Can-lộc), tỉnh Hà-tĩnh, làm ra ở đời Lê-mạt, cuối thế kỷ thứ 18. Nguyễn huy-Tự khi còn là một thiếu niên công tử được đọc một ca-bản của Trung-hoa đề là *Đệ bát tài tử thư Hoa-tiên-ký* 第八才子書花笺記 (ở đời Lê-mạt có lẽ những tiểu-thuyết, hý-khúc và ca bản của Trung-quốc lưu hành ở nước ta đã nhiều). Ông thấy bản sách ấy tả thuật chuyện phong tình của một bọn công tử tiểu thư con nhà quí-tộc ở Trung-hoa, cũng có cái sinh hoạt phong lưu, cùng những cảm tình tư tưởng giống như sinh hoạt và cảm tình tư tưởng của những thiếu niên đồng bối bấy giờ ở kinh-đô, lại thấy những nhân vật trong sách đều có thể treo gương « hiếu trinh » là điều chủ yếu trong luân lý nho giáo, nên ông đem ca bản ấy diễn ra quốc âm.

Ca bản ấy, không biết ai làm tự đời nào, chỉ thấy nhà phê bình hiệu là Tinh-tử nói rằng theo truyền thuyết thì tác-giả sách ấy là một ông Giải-nguyên và một ông Thám-hoa. Sự tích thuật trong ca bản ta cũng không biết thuộc về đời nào, tác-giả chỉ cho ta biết Lương-[illegible]nh ở Tô-châu, và Giao-tiên ở [illegible]rông-châu, chứ không cho ta [illegible]t thời đại họ sinh trưởng. Duy, [illegible]n hồi «Bích Nguyệt thu kỳ», thấy [illegible]i văn có dẫn chuyện Trương-sinh và Tiểu-hồng-nương trong *Tây sương ký* thì ta biết rằng sách ấy xuất hiện sau *Tây-sương-ký* đời Nguyên. Song sự tích không phải ở đời Nguyên vì trong ấy có việc đánh nhau với giặc Hồ, tức là đánh nhau với các rợ Mông-cổ. Vậy thì sự tích phải ở đời Minh. Nhưng chỉ ở buổi Minh sơ thì mới có chức Binh-chương là chức quan của Lương tướng công, vậy sự tích của *Hoa-tiên-ký* thuộc về Minh sơ. Tác-giả không nói đến thời đại, có lẽ là bởi thuật một sự tích thuộc về hiện thời, thế thì ta có thể đoán rằng hai tác-giả của *Hoa-tiên-ký* cũng thuộc về đời Minh sơ vậy.

Ca bản ấy mấy lâu này không ai để ý đến, người ta chỉ xem như một ca bản thông tục tầm thường. Nhà phê-bình hiệu là Tinh-tử về đời Thanh (sinh sau Kim-Thánh-Thán) thấy văn chương hay — ông này khen văn *Hoa-tiên ký* cũng không kém gì Thánh-Thán khen văn *Tây-sương-ký*, mà lại còn cho *Hoa-tiên-ký* hơn *Tây-sương-ký* nữa — bèn đem phê-bình và liệt vào sau các sách tài-tử của Thánh-Thán sắp là : *Nam-hoa-kinh, Ly-tao, Sử-ký, Đỗ-thi, Thủy-hử-truyện, Tây-sương-ký*, cùng ở sau sách *Tỳ-bà-ký* mà người ta xưng là sách Đệ thất tài tử.

Bản sách *Hoa-tiên-ký* chữ hán tôi được xem, do ông Triệu-Khanh Hồ-đắc-Bích cho mượn, là bản phổ thông khổ nhỏ, gồm hai tập, nhan đề là *Tú-tượng đệ bát tài tử tiên chú*. Tịnh-tĩnh-trai bình, Tinh-tử ngoại tập. Sau phần mục lục và đồ họa, thì có một bài của Nhị dậu-trai giảng về văn chương *Hoa-tiên-ký*, trích những câu hay trong ấy để giảng bình. Tiếp đến ca-bản do Tinh-tử phê bình, đề là *Tịnh-tĩnh-trai đệ bát tài tử thư Hoa-tiên-ký*, chia làm 6 quyển. Quyển thứ nhất có một bài *Tự tự* của Tinh-tử nói vì lẽ gì mà mình phê bình Hoa-tiên-ký, và một bài Tổng-luận nói về giá trị và đặc sắc của ca bản ấy. Năm quyển sau gồm 59 hồi của ca bản. Mỗi hồi có đề mục bằng một câu bốn chữ, sau đề mục là một đoạn văn phê bình chung cả hồi, rồi đến chính văn, cứ sau mỗi câu hay mỗi đoạn lại có lời phê bình. Tất cả hai tập sách này gồm 169 tờ 107 × 157 $^{m}l_{m}$.

Trong kỳ nghỉ Tết mới rồi tôi mới tìm được ở quê họ Nguyễn Huy một bản *Hoa-tiên-ký* chữ nôm, tức là bản sao lại bản nguyên tác của Nguyễn Huy Tự hiện nay đã hư nát mất rồi. Đó là một quyển sách viết khổ 145 × 230 $^{m}l_{m}$, gồm 43 tờ (có thiếu mất một vài tờ cuối cùng), nhan đề là *Hoa-tiên-ký* La-sơn Lai-thạch Tiến-triều Đốc-đồng Uẩn-đình hầu Nguyễn soạn. Sách viết luôn một mạch, không chia cách ra từng hồi như nguyên văn, song ở đầu mỗi hồi thì có nêu ở trên đầu trang giấy mấy chữ đề mục của hồi, như trong nguyên văn, duy ở hồi đầu, ở trên đầu trang giấy có chép lại cả nguyên văn chữ hán của nửa trên hồi *Hoa-tiên đại ý*, tức là lời bản của Tinh-tử.

Bản *Hoa-tiên truyện* quốc ngữ ta thường thấy lưu hành là do Nguyễn-Thiện người làng Tiên-điền, cháu gọi Nguyễn-Du bằng chú, đã nhuận sắc nguyên trước của Nguyễn-Huy-Tự, sau khi ông được xem *Đoạn-trường tân-thanh* của Nguyễn-Du (1).

Về bản nhuận sắc ấy thì có lẽ bản của Vũ-Đại-Văn đề tựa năm 1829, đề là *Hoa-tiên-ký diễn nghĩa* là bản xưa nhất. Theo bài phát đoan của bản *Hoa-tiên* mà ông Nguyễn-Văn-Tố đã in trong Tập-san của hội Trí-Tri Bắc-kỳ (Bulletin de la Société l'Enseignement Mutuel du Tonkin, Tome XVI, Nos 3-4 — Juillet-Décembre 1936, trang 297...) thì năm 1875 có bản *Hoa-tiên nhuận-chính* bằng chữ nôm của Đỗ-Hạ-Xuyên xuất bản ở Hà-nội và một bản chữ nôm viết tay trữ ở Thư-khố của viện Viễn-đông Bác-cổ, đề là *Hoa-tiên ký diễn âm* (*Đệ bát tài tử*), nhưng ông không nói chép lại ở bản nào. Cũng theo ông Nguyễn-Văn-Tố thì bản quốc ngữ xuất bản đầu tiên là *Chuyện Hoa-tiên*, của Đặng-Trần-Tiến, do Nguyễn-Văn-Nghị đăng ở Đông-dương tạp-chí vào nửa đầu năm 1916, từ trang 2853 về sau. Sau đó có bản quốc-ngữ *Hoa-tiên chuyện* của nhà in Van-minh ở Hải-phòng (năm 1924 in lần thứ hai) theo bản *Hoa-tiên nhuận chính* của Đỗ-Hạ-Xuyên, và bản quốc-ngữ *Hoa-tiên-truyện dẫn giải* của Đinh-Xuân-Hội, do nhà in Tân-dân ở Hà-nội xuất bản (năm 1950 in lần thứ nhất) đại khái theo bản *chuyện Hoa-tiên* của Đặng-Trần-Tiến.

Đến như bản nguyên trước của Nguyễn-Huy-Tự thì xưa nay tưởng như chưa được xuất bản công bố. Nay tôi bằng vào bản nôm mới tìm được, thử so sánh bản chính và bản nhuận sắc cùng với nguyên văn chữ hán để xem đặc sắc của Nguyễn-Huy-Tự và của Nguyễn-Thiện là ở chỗ nào. (Tôi chỉ xin cử một ít tỷ dụ, còn như muốn so sánh cho tường tận thì phải có một bản in đối chiếu. Nếu có thì giờ tôi sẽ gắng soạn bản in ấy).

Hồi *Hoa-tiên đại ý*

Nguyên văn chữ hán là :

Đứng dậy dựa lơn cao hóng mát chiều, gió thu đưa thoảng hương sen trắng. Chỉ thấy một vành trăng non sáng như nước; người ta nói đêm nay Chức-nữ gặp Ngưu-lang. Nghĩ kỹ trên trời giai kỳ còn có hội, mà đời người sao lại cứ thê lương? Lúc được khoái lạc nên khoái lạc. Hại gì trộm ngọc với chùng hương? Huống lại hai bên vẹn chung thủy, tư tình mặt ước có hại gì? Từ xưa kẻ có tình định phỉ lòng nguyền, chỉ có bền tâm chịu đợi lúc thành đôi. Non nước đa tình còn tụ hội; đa tình há dễ quên lời nhau? Những mong kẻ có tình trong thế gian, chớ nên nửa đường mà bỏ dở. Từng nghe một chuyện kỳ phong nguyệt. Chung tình dằng dặc như biển trời. Mai một phong lưu ai biết được? Nên đem truyền cho hậu thế xem.

Nguyễn Huy Tự nguyên dịch là:

Nương lan nhẹ bóng mát chiều,
Vàng pha gió quế, trắng dìu hương sen.
Gác rèm câu nguyệt xiên xiên,
Nay hôm ả Chức chàng Khiên họp vầy.
Hẹn lành năm một đêm nay,
Trên kia còn vậy, dưới này khiến sao?
Từng nghe trăng gió duyên nào,
Bể sâu là nghĩa, non cao là tình.
Hẹp truyền ai kẻ biết danh?
Nói vay mượn tiếng chập chành dề gương.

Nguyễn Thiện nhuận sắc là: (2)

Trăm năm một sợi chỉ hồng,
Buộc người tài sắc vào trong khuôn trời.
Sự đời thử ngẫm mà chơi,
Tình duyên hai chữ với người hay sao?
Từng nghe trăng gió duyên nào,
Bể sâu là nghĩa, non cao là tình
Người dung hạnh, bực tài danh,
Nghìn thu dễ mối duyên lành làm gương.

(*Còn nữa*)

ĐÀO DUY-ANH

(1) Xem bài «Hoa-tiên-ký» đăng ở Tri Tân số 86 và số sau và bài «Nguyễn Du viết Đoạn trường tân-thanh vào lúc nào?» đăng ở Đại việt.

(2) Bằng vào bản Hoa tiên ký diễn âm do Viễn-đông Bác cổ tàng trữ, ông Nguyễn Văn-Tố chuyển sang quốc ngữ ở Bulletin de la Société l'Enseignement Mutuel du Tonkin Tome XVI Nos 3-4 (có sửa lại những chữ quốc ngữ viết sai).

Đã có bán

THI-HÀO

TAGORE

Một công trình khảo cứu rất giá trị của ông **Nguyễn-văn-Hai**. Bìa do họa sĩ **Nguyễn-văn-Mười** trình bày. Bạt của thi sĩ **Nguyễn-thiên-Thụ**. Sách 400 trang in trên giấy bản dày. Giá 4$80

Nhà xuất bản TÂN-VIỆT

29, LAMBLOT — Hanoi

QUYỂN THI-VĂN BÌNH-CHÚ

Số 3

Ứng-hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

II. — *Nguyễn-công-Trứ* (bài nối)

« Năm Minh-mạng thứ 14 (1833) tướng giặc là lũ Trương-Nghiêm, họp thành đồ-đảng để quấy-nhiễu cướp-bóc huyện Tứ-kỳ (Hải-dương). Ông Nguyễn-công-Trứ thân hành đem quân đánh ở Thiết-tranh, phá được. Vua xuống dụ khen thưởng. Liền cho chỉ đi Tuyên-quang cùng với tổng-đốc Sơn-Hưng-Tuyên là Lê-văn-Đức tiến đánh tướng giặc là Nông-văn-Vân, từ sông Lô chia ra tả hữu hai đường, đều thẳng đến Vân-trung là nơi sào-huyệt của giặc; đi đến đâu giặc trông hút chạy trốn cả: ông Nguyễn-công-Trứ bèn đem quân về.

Nam Minh mạng thứ 15 (1834), Nông-văn-Vân lại cạy đất hiểm, họp thành đồ-đảng. Vua sai Lê-văn-Đức sung chức tổng-đốc quân-vụ Tuyên-quang, Nguyễn-công-Trứ sung chức tham-tán, từ đường Côn-luân tiến quân họp với Lê-văn-Đức. Giặc Vân chạy trốn. Vua dụ thu quân về. Rồi giặc lại xâm-lấn hãm tỉnh Cao-bằng. Vua lại sai hai ông ấy họp quân tiến đánh. Khi quân ta đã lấy lại được thành Cao-bằng, thì ông Nguyễn-công-Trứ xin chuyển đi Thái-nguyên, cùng với tổng-đốc Ninh-Thái là Nguyễn-đình-Phổ bàn tính việc quân, hẹn đến trung tuần tháng chín nhất-tề hội-họp để đi đánh giặc. Vua y cho, lại sai Nguyễn-công-Trứ sung chức tham-tán đạo Thái-nguyên. Nguyễn-đình-Phổ và Nguyễn-công-Trứ coi đạo Thái-Tuyên hợp với Tạ-quang-Cự, Nguyễn-tiến-Lâm và Hồ-Hựu ở đạo

Người Đông - pháp hãy sản xuất lấy các thứ mình cần và tiêu thụ những sản phẩm của Đông-pháp.

Cao bằng, Phạm-văn-Điền, Lê-văn-Đức ở đạo Tuyên-quang, thẳng đến Vân-trung. Giặc Vân trốn vào trong núi: đạo Tuyên-quang dùng hỏa công, Vân bị chết cháy. Vua Minh-mạng nghe tin được trận, truyền ba đạo binh khải hoàn về kinh bệ kiến. Vua thân rót rượu ban cho, để tỏ ý thưởng công, lại ban cho những đồ ngoạn-thưởng bằng châu-báu, cho một người con ông Nguyễn-công-Trứ làm cẩm-y-vệ hiệu-úy, rồi cho về nguyên-lý.

« Ông Nguyễn-công-Trứ ở lâu những tỉnh lớn, làm nhiều việc to, lại cho thành Quảng-yên hình-thế đẹp, xin đắp thêm. Vua y cho.

« Năm Minh-mạng thứ 19 (1838) ông Nguyễn-công-Trứ thân-hành đem thuyền quân từ Quảng-yên đi ra bể thẳng đến Chàng-sơn, vây bắt giặc bể, được to, nhân xin đóng quân ở đất ấy, cấp cho đồ làm ruộng để khai-khẩn. Năm sau, lại đi Chàng-sơn bắt được thủ-phạm của giặc, làm án tội chết, còn phủ-dụ được hơn 180 người, đặt làng Hướng-hoá, ghi vào sổ để chịu thuế.

« Rồi ông Nguyễn-công-Trứ được vời về kinh, thăng hữu-tham-tri, kiêm chức tả phó-đô-ngự-sử.

« Năm Minh-mạng thứ 21 (1840), vì ở Trấn-tây lâu chưa thấy tin được tâu về. ông Nguyễn-công-Trứ dâng sớ xin đi. Vua khen là còn mạnh và y cho, sai sung chức tán-lý cơ-vụ ở Trấn-tây. Khi bệ kiến để cáo từ, vua dụ rằng: « Phạm-văn-Điền và Nguyễn-tiến-Lâm không lo là vô dũng, chỉ lo là vô-mưu. Ngươi là nho-tướng: việc quân lữ vốn đã quen, nên xem xét sự cơ, sớm tâu tin được trận, để xứng-đáng lòng Trẫm trông cậy. »

Đến năm Thiệu-trị thứ nhất (1841), ông Nguyễn-công-Trứ cùng tướng-quân là Trương-minh-Giảng đánh phá đồn lũy của giặc 12 chỗ, được thăng quân-công một bực. Rồi quan quân lại về An-giang.

« Khi định tội các tướng-sĩ về việc Trấn-tây, cách quan-chức của ông Nguyễn-công-Trứ, lại sai cùng Phạm-văn-Điền đến quân-thứ ở Lạc-hóa để họp nhau đi đánh giặc. Mùa đông năm ấy quan quân đánh phá được Lâm-xâm, giết được Phiên-Tăng: Lạc-hóa được yên.

« Ông Nguyễn-công-Trứ được khởi phục làm Binh-bộ thị-lang, lĩnh chức tuần-phủ An-giang, coi giữ các đường trước sau.

« Năm Thiệu-trị thứ tư (1844), bị tội lây, phải đầy làm lính ở diên-biên Quảng-ngãi. Năm sau lại khởi phục làm chủ-sự, thụ chức viên-ngoại bộ Hình, quyền chức án-sát Quảng-ngãi, rồi được làm phủ-thừa ở Thừa-thiên.

« Năm Thiệu-trị thứ 7 (1847) được thăng phủ-doãn. Vì tuổi đến

70 ông xin hưu : vua không cho. Đến năm thứ nhất hiệu Tự-đức (1848), lại xin hưu như trước, vua chuẩn cho và ban cho chức phủ-doãn Thừa-thiên.

« Khi về hưu, làm nhà ở cạnh chùa Lư-sơn.

« Năm Tự-đức thứ 12 (1859), vì có việc binh-cách, vua xuống chỉ lại dùng ông : ông trần-tình là già yếu không kham nổi, vua y cho. Năm ấy ông mất, thọ 82.

« Ông Nguyễn-công-Trứ là người trác-lạc có tài-khí, lại có văn-tài, sở-trường về quốc-âm : những thơ ca ông làm rất nhiều, khẩu khí hào-mại, rõ rệt ra đến âm-luật, đến nay hãy còn truyền-tụng.

« Khi ông làm quan thì hay vấp, lại được khởi phục ngay, gia sức nơi cương-trường, thường lập võ-công. Lúc đầu lĩnh chức doanh-điền-sứ, xếp đặt trong một năm, các việc đều có lần-lượt, khai-khẩn ruộng đất, chiêu-tập nhân-dân, làm nên mối lợi lâu dài.

« Đến khi tuổi già về vườn, liền bỏ hết việc đời, tiêu-dao sơn thủy hơn mười năm, có cái thú phiên-nhiên ngoài trần-thế. Đến nay người ta còn nhớ đến phong-độ của ông. Sau khi ông mất, các huyện ấp ông lập ra đều dựng đền thờ. » (dịch ở *Đại-Nam chính-biên liệt truyện*, quyển 20, tờ 9 a-11 b).

Đến chỗ chú-thích và dẫn-giải những bài của ông Nguyễn-công-Trứ, quyển *Thi văn bình-chú* của ông Ngô Tất-Tố cũng thiếu và sai. Như chữ « khoán thiết, thư son » trong bài *Hàn Tín*, nên chua là do chữ « thiết-khoán đan-thư » ; chính là ở chữ « kim-thư thiết-khoán », nghĩa là khoán sắt khắc chữ thiếp vàng. *Tư-nguyên* chép « năm thứ 12 Hán Cao-đế (tức là năm 195 trước Thiên-Chúa) phong tất cả các công thần..., làm khoán sắt, trong khắc chữ, lấy vàng bôi lên chữ, cho nên gọi là kim-thư thiết-khoán ».

Về chữ « điểu tận cung tàng », chữ « điểu » ấy mà ông Ngô Tất-Tố dẫn-giải ở trang 35 là « chim mồi » thì sai, vì nếu là « chim mồi », thì là chim của mình mang đi, hà tất phải dùng cung ! Vả lại bài này vịnh Hàn-Tín, thì nên chua thêm rằng Hàn-Tín sau khi bị bắt cũng có nói một câu ấy, nguyên văn như sau này : « Giảo-thỏ tử, tẩu-cẩu phanh ; cao-điểu tận, lương cung tàng... », nghĩa là « con thỏ tinh quái đã chết, thì con chó săn phải nấu ; con chim ở cây cao đã hết, thì cung tốt cất đi ».

(*Còn nữa*)

Ứng-hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

Giới thiệu

Triết-học là một môn học cao siêu. Ai đã đọc các loại sách triết-học đông tây, chắc cũng muốn biết qua lịch-sử triết-học của nước nhà.

Nay ông Nguyễn Sĩ-Đạo, người đi tiên phong, làm được công việc giới-thiệu cho chúng ta ấy. Trong cuốn «*Đại-Việt triết-học lịch-sử*» tác-giả bày tỏ những tư-tưởng tín-ngưỡng cổ-truyền từ xưa, những tư-tưởng biến-thiên từng các thời đại. Suốt 80 trang giấy, tác-giả đã khiến người đọc phải ngẫm-nghĩ những cái hay hay đã qua và mong mỏi những điều tốt đẹp sẽ đến.

Thật ông Nguyễn Sĩ-Đạo đã làm được một việc rất công-phủ và hợp thời.

Nhật Nham

MÙA THI ĐÃ TỚI

* *Bạn nào có con em thi SƠ-HỌC YẾU-LƯỢC thì nên cho dùng :*

Tập bài thi bằng Sơ-học yếu-lược

hai ông Dương-quảng-Hàm và Dương-tụ-Quán in lại lần thứ 8 — Giá 0$75 — Cước 0$20.

Bạn nào có con em thi Certificat thì cho dùng :

Cent Rédactions corrigées

hai ông Trần-huy-Cơ và Nguyễn huy-Hoàng, in lại lần thứ 2 — Giá 0$85 — Cước 0$20.

Recueil de Dictées

Dương-q-Hàm, in lần thứ 3, giá 1$20, cước 0$30

Để cho hiệu sách ĐÔNG-TÂY,

195 Hàng Bông — HANOI

Tissus locaux

ÉTABLISSEMENT CAO-DOT

Chuyên bán buôn và nhận đặt khoán các thứ hàng nội-hóa như :

Douppion, Shan-tung, Faux shangtung, Lin, Faux tropical Tussor, Tussor demi-soie, Toile de soie, de rayonne, Toile tailleur, bao tai đựng ngô, gạo, vân vân.

Nơi giao dịch :

Thơ bảo đảm và bưu phiếu xin gửi về cho **M. Bùi thọ Cáo :**

12 Rue Strasbourg

HẢIPHÒNG

Muốn lấy mẫu, xin gửi 0$50 bằng timbre để làm cước phí.

Dạy cho đồng bào Việt Nam học biết đọc và biết viết chữ ngữ là giúp cho họ biết cách sự Quốc gia. Vậy bổn phận chúng ta là phải [illegible] BÁ QUỐC-NGỮ.

HÚT THUỐC LÁ CÓ HẠI CHĂNG ?

Tặng anh Lý V. Khuô.

của Bác-sĩ LÊ-VĂN-NGÔN

THUỐC lá dùng để ngửi, để xỉa hay để hút. Trong bài nầy, tôi chỉ nói tới thuốc lá dùng để hút vì ở xứ ta cách nầy thông thường hơn. Vả lại, chỉ có cách dùng là khác nhau chớ cách phản động cũng tương tợ như nhau.

Tuy phần đông người hút thuốc lá không biết Hóa-học là gì, trong khi « phì phà » ít ai tò mò tự hỏi trong khói thuốc lá có chi là hại đến cơ-thể hay không, nhưng từ hồi nhơn loại khởi sự làm quen với thuốc lá, cách hút thuốc làm cho ta tưởng rằng luôn luôn họ quan tâm đến vấn đề ấy. Họ chỉ muốn dùng cái hay của khói thuốc lá và bỏ cái hại ra.

Mà bằng-cớ đâu ?

Đây : dẫu ta không dùng tới, nhưng ta vẫn thường thấy dân Tàu có người hút ống điếu tre dài gần bằng ngọn đoản-côn, lớn gần bằng miệng chén, có người hút thứ ống điếu bình bằng bạc hay bằng thau mà thứ nào ở trong cũng có đề nước. Khói phải đi ngang qua lớp nước ấy mới vào miệng đặng. Còn thuở xưa, người Makaraka lấy vỏ cây tước ra sợi ngậm trong miệng rồi mới hút thuốc. Dân còn dã-man ở xứ Ai-cập dùng ống điếu giữa có một chỗ để chỉ cây bông (*hibiscus*) nhỏ như dây gai rút bớt chất độc trong khói, làm như thế chẳng qua là [illegible]ước kẻ đã làm trước họ chớ biết tại sao. Ngày nay nhờ học ta biết phân chất khói lá, ta không khỏi ngạc nhiên và « phục » ngay người đã « phát-minh » ra những cách đã hút thuốc ấy.

***

Hút thuốc lá có hại chăng ? Có người kích-bác nó, cho nó là một vật làm cho cơ-thể phải hư-hao, có kẻ tán dương nó, cho nó là một cây cỏ quí. Ở thế-kỷ thứ 17, ông Bontekoe, lương y Hòa-lan, hô to : « Không chi cần kíp cho sự sống và sự mạnh khỏe của nhơn loại bằng khói thuốc lá. Nó làm cho ta vui trong khi ta buồn-bã, nó làm cho ta chịu nổi những việc cay đắng trong đời ta ». Nghịch lại, năm 1627, ông Sorel cho thuốc lá có thể làm hại đến bộ óc và bộ hô hấp. Cũng ở vào thời-đại ấy, nhà sử-học Cambden, người Anh chép rằng : « Dưới triều Hoàng-hậu Elisabeth, người Anh hút ống điếu nhiều đến nỗi ta có thể chắc rằng nếu họ không bỏ thói ấy, cơ-thể người nước Anh sẽ bị suy nhược và trở lại giống cơ thể của những dân tộc dã-man ».

Hai tiếng chuông khác hẳn nhau! Vậy sự thật là đâu ?

***

Nội trong các vật mà nhơn loại dùng đặng giải buồn hay để kiếm hứng như trầu cau, rượu, cà-phê, nha-phiến..., chỉ có thuốc lá là bị thay đổi nhiều từ khi còn ở ngoài cây cho tới khi đốt ra thành khói. Hoặc ở trên cây, hoặc đã thành khói, thuốc lá độc hay không là tùy những vật mà người ta đã để thêm vào cho nó được thơm hơn, ngon hơn, mạnh hơn, gắt hơn. Trong khói thuốc có nhiều chất như *nicotine, nicotoïne, nicotimine... và oxyde de carbone*. Trong những chất nầy, chỉ có chất nhựa (*nicotine*) và oxyde de carbone là đáng cho ta để ý hơn hết.

Trong 100 gờ-ram (gramme) thuốc lá, có từ hai tới bảy gờ-ram chất nhựa, vậy trong mỗi điếu thuốc vấn hay xi-gà có từ 4 tới 5 milligarmmes. Bởi thế, cách hút thuốc rất có quan-hệ cho ta từ ống điếu « bình », ống điếu tre lớn bằng bắp tay, ống điếu có nước cho tới xi-gà hay thuốc vấn, từ cách hút thuốc rồi phà ra, cách hút cho ra khói lỗ mũi hoặc cho khói vào sâu trong bộ hô-hấp rồi mới đưa ra, cho tới cách hít vào thật mạnh và có khi nuốt luôn cả khói. Dầu sao, chỉ có *cách hút rồi phà khói ra liền là ít độc hơn hết* vì ít đem chất nhựa vào cơ - thể.

Ngoài nhựa, mỗi gờ-ram thuốc lá đốt cháy có tới 70 centimètres cubes chất oxyde de carbone và thuốc nào càng sanh nhiều chất nầy càng thêm độc. Vậy có lẽ *thuốc điếu (cigarette) là độc hơn hết* vì trong thuốc vấn sẵn ta đã không biết có phải là toàn thuốc hay không mà ta lại còn hút luôn cả khói của tấm giấy dùng để quấn điếu thuốc nữa.

***

Tuy mấy chất độc — như chất nhựa chẳng hạn — theo khói mà vào trong cơ-thể mỗi lần không bao nhiêu, nhưng nếu *ta hút nhiều* thì những chất ấy cũng có thể làm hại đặng.

Tôi không nói đến những người chỉ hút một « hơi » thuốc lá mà đã thấy mê-mệt, nhức đầu, chóng mặt, buồn mửa, xây-xẩm tuy trong ngũ

tạng lục phủ họ không có chi đau yếu. Tôi cũng để riêng hạng người có bộ thần kinh yếu, bộ tiêu-hóa không điều-hoà, quả tim đau buồng phổi bịnh vì thuốc lá không phải là vật mà họ nên dùng.

Tôi chỉ nói những người có thể chịu nổi năm mươi điếu mỗi ngày và những người « điếu nầy liền điếu khác ».

Có lương-y nói rằng khói thuốc lá làm cho tổn thọ. Điều nầy không đúng lắm vì ta cũng từng gặp nhiều người đã bảy tám mươi tuổi mà vẫn còn khỏe-mạnh dẫu họ đã làm quen với thuốc lá ngót ít chục năm rồi. Nếu không kể đến thọ mạng mà chỉ nói về mặt bịnh-hoạn thì ta có bằng-cớ chắc-chắn rằng *hút thuốc lá nhiều* không phải là vô hại. Ta có thể buộc nó vào những tội nầy : Làm cho trong nước tiểu có chất đường ; làm cho nhiều mạch máu bị cứng như có vôi đóng hay có chỗ nổi u lên (anévrysme) rồi vì đó thành ra bở có thể bể đặng ; làm cho lỗ tai bị lùng-bùng, có khi bị điếc. Trái tim của người 40, 50 tuổi mà hút nhiều có thể bị hại : Nó đập mạnh, nhảy lẹ, nhảy không đều. Khói thuốc lá còn có thể làm tức ngực nhứt là phía bên trái tim, thở mệt và nổi cơn suyễn. Chất nhựa thuốc cũng có hại cho thị quan (organe de la vue) : hai con ngươi một con lớn một con nhỏ, mắt lờ hay đui hẳn. Trong trường-hợp sau nầy, lắm khi bịnh-nhân bỏ hút thuốc lá ít tháng thì cặp mắt được tỏ lại, nhưng cũng có người phải chịu tật suốt đời. Dẫu ít có, bịnh nầy cũng đã xảy ra cho một người nhai thuốc mà nuốt nước và một người hút hơn 30 điếu xi-gà mỗi ngày.

Điều mà dễ thấy hơn hết là người hút thuốc lá nhiều thì thường nặng đầu, chóng mặt, ngủ không đặng, lười-biếng, tánh-tình hay thay đổi, hay giận, hay buồn, hay đau cổ, còn người nào nuốt khói sẽ có bộ tiêu-hóa bịnh-hoạn, bộ hô-hấp suy-nhược. Đến như phụ nữ mà hút nhiều thuốc thì sẽ bị thương tổn về đường kinh-ngnyệt và bộ máy sanh-dục.

Thống chế Pétain đã nói :

« Sống vào thời này, mỗi người phải nhận lấy trách-nhiệm. Bản-chức nêu gương mà nhận trước vậy ».

***

Tuy nhiên, nếu hễ hút thuốc lá là bị những tai-hại ấy thì còn ai là đệ-tử của thần khói, còn người nào dám rờ tới điếu thuốc dẫu không có luật cấm ngặt như ở Đức và Thụy-sĩ thủa xưa.

Không ! Như tôi đã nói, mấy bịnh-hoạn kể trên chỉ xảy ra cho kẻ nào dùng thuốc lá quá nhiều, hút hết điếu này tới điếu khác, cho người dùng thuốc thật mạnh trong ấy có lắm chất độc, cho người bít khói vô sâu trong bộ máy hô-hấp hay là nuốt khói vào bao-tử.

Trái lại, *hút thuốc lá có chừng độ* sẽ thấy trong mình khoan-khoái. Nhờ tánh-tình thuần-hậu ấy mà thuốc lá đã quến dũ đặng biết bao nhiêu người theo nó. Khi ở Thổ-nhĩ-kỳ, viên Đại-tướng Đức là Moltke viết cho một người bạn, trong có câu : « Ống điếu là một bà tiên pháp-thuật cao cường. Dân bản-xứ trước kia rất hung hang, nhờ bà mà nay đã thành một bầy chiên hiền hậu, dễ thương hơn giống dân nào khác trên quả đất này ».

Khói thuốc lá kích-thích trí-não ta, cho ta thêm phần hăng-hái. Tế-bào của bộ óc đương « lim-dim » không muốn hoạt-động bỗng bị « *luồng điện* » nhựa đánh thức dậy âu-yếm, bèn vui vẻ bắt tay vào việc. Trong khi buồn, nhờ khói thuốc mà ta thấy bớt buồn, trong lúc vui, ta lại thấy vui thêm. Đã vậy, nó không làm cho ta say-sưa, mê mẩn đến đỗi bỏ lại cho ta một bộ óc trống rỗng, hay khiến ta thành một nô-lệ của thần khói như nha-phiến. Ta muốn dùng nó chừng nào cũng đặng, không dùng nữa cũng không sao, cơ-thể ta không vì đó mà phải bị hành-hạ một cách khốn khổ lạ thường. Thuốc lá quí ở chỗ đó. Nó có thể giúp ta nhiều. Nó như một người bạn có tánh tình rất tốt không câu-nệ, không khó khăn mà ta muốn kêu đi chơi với ta chừng nào cũng đặng rồi bỏ « rơi » chừng nào cũng tự ý ta.

***

Đối với người đã trưởng-thành, hút thuốc lá có chừng mực có nhiều thú vị và không có hại chi cả, nhưng đối với trẻ con « muốn làm người lớn » chất nhựa không phải là một bạn hiền. Hồi tôi tòng học trong một trường Trung-đẳng ở Ý-đại-lợi, ông hiệu-trưởng cấm ngặt học trò hút thuốc nhưng nhiều cậu cũng cứ trốn trong chỗ vắng (!) đặng « phi-phà ». Hút rồi còn ra khoe với anh em bạn. Cách nay không bao lâu, ở Anh có luật cấm trẻ con dưới 16 tuổi hút thuốc và cấm bán thuốc lá cho chúng nữa. Ở Na-uy cũng có đạo luật như thế. Sự cấm ấy rất hạ

(*Xem tiếp trang 19*)

Bia Văn miếu

NHỮNG ÔNG NGHÈ TRIỀU LÊ

Số 51

Ứng-hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

29. — Nguyễn-Thang, người xã Hồng-lục, huyện Trường-tân (Gia-lộc), phủ Hạ-hồng, tỉnh Hải-dương. Đỗ đệ tam giáp đồng tiến-sĩ xuất thân khoa mậu-tuất năm 1478, đời vua Lê Thánh-tôn (chép theo bia Văn-miếu, sách *Đăng khoa lục*, quyển 1, tờ 25a, và *Đăng khoa bị khảo*, quyển Hải-dương, tờ 36 b).

30. — Nguyễn-nghĩa-Kỳ, người xã Tiên-tảo, huyện Bình-hà (Thanh-hà), phủ Nam-sách, tỉnh Hải-dương. Đỗ đồng tiến-sĩ khoa mậu-tuất, 1478. Làm quan đến đông-các (*Đăng khoa bị khảo*, quyển Hải-dương tờ 72 a).

31. — Nguyễn-đình-Bật (*Đăng khoa bị khảo*, quyển Kinh-bắc, tờ 69 a, chép là họ Quách), người xã Cán khê huyện Kim-hoa, phủ Bắc-giang, tỉnh Kinh-bắc. Năm 41 tuổi đỗ đồng tiến-sĩ khoa mậu-tuất, 1478. Làm quan đến tham-chính (*Đăng khoa bị khảo*, quyển Kinh-bắc, tờ 69 a).

32. — Nguyễn-giản-Liêm, người xã Ông-mặc, huyện Đông-ngàn, phủ Từ-sơn, tỉnh Kinh bắc. Năm 23 tuổi (*Đăng khoa lục*, quyển 1, tờ 25 b, chép là 26 tuổi) đỗ đồng tiến-sĩ khoa mậu-tuất, 1478. Làm quan đến đô-cấp-sự-trung. Sinh ra Nguyễn-giản-Thanh, đỗ nhất giáp tiến-sĩ cập-đệ khoa mậu thìn 1508 (*Đăng khoa bị khảo*, quyển Bắc-ninh, tờ 28 a-b).

33. — Nguyễn-thọ-Kinh, người xã Kha-lý, huyện Thụy-anh, phủ Thái-bình tỉnh Sơn-nam. Đỗ đồng tiến-sĩ khoa mậu-tuất, 1478. Làm quan đến tự-khanh (*Đăng khoa bị khảo*, quyển Sơn-nam, tờ 1 b).

34. — Nguyễn-Quỳnh người xã Bối-khê, huyện Thanh-oai, phủ Ứng-thiên, tỉnh Sơn-nam. Đỗ đồng tiến-sĩ khoa mậu-tuất, 1478. Làm quan đến chức Đề-hình giám-sát ngự-sử (*Đăng khoa bị khảo*, quyển Sơn-nam, tờ 34 a).

35. — Nguyễn tắc-Dĩnh người xã Lam-kiều, huyện Hoằng-hoá, phủ Hà-trung, tỉnh Thanh-hoá. Năm 32 tuổi đỗ đồng tiến-sĩ khoa mậu-tuất, 1478. Làm quan đến Hộ-bộ tả-thị-lang (*Đăng khoa bị khảo*, thu-tập hạ, tờ 28 a).

36. — Tạ-hùng-Kiệt, người xã Hương-bảng, huyện Đan phượng, phủ Quốc-oai, tỉnh Sơn-tây. Năm 35 tuổi, đỗ đồng tiến-sĩ khoa mậu-tuất 1478. Làm quan đến tả-thị-lang. Thọ hơn 70 tuổi ; lúc mất tặng thượng-thư (*Đăng khoa bị khảo*, thu-tập thượng, tờ 28 b).

37. — Trần-doãn-Hựu, người xã Sơn-đông, huyện Lập-thạch, phủ Tam-đái, tỉnh Sơn-tây. Năm 27 tuổi đỗ đồng tiến-sĩ khoa mậu-tuất 1478. Làm quan đến thượng-thư (*Đăng khoa bị khảo*, thu-tập thượng, tờ 56 a-b).

38. — Lê-hanh-Huyến người xã Nghĩa-trai, huyện Gia-lâm, phủ Thuận-an, tỉnh Kinh-bắc. Năm 21 tuổi đỗ đồng tiến-sĩ khoa mậu-tuất, 1478. Tuyển vào toà Hàn-lâm. Bộ *Toàn Việt thi lục* của ông Lê-quí-Đôn (sách viết của Trường Bác-số A 1262, quyển 13, tờ 5 a) còn chép bốn bài thơ cận-thể của ông Lê-hanh—Huyến, nói về Sông Thiên-vực chơi thuyền buổi sáng, — Lên đền Quang-đức, cảm-khái thành thơ, — Ngự nhà Kiến-thụy, — Đóng quân châu Thủy-ái : bốn bài này đều họa vần ngự-chế. Ông Lê-hanh-Huyến làm quan đến Lại-khoa đô-cấp-sự-trung (*Đăng khoa bị khảo*, quyển Kinh-bắc, tờ 80 a-b ; *Nhân vật tính thị khảo*, quyển 2, tờ 128 a).

39. — Ngô-trinh-Chấp, người xã Xuân-lôi, huyện Yên-phong, phủ Từ-sơn, tỉnh Kinh-bắc. Đỗ đồng tiến sĩ khoa mậu-tuất 1478 (*Đăng khoa lục*, quyển 1, tờ 25 b).

40. — Dương-Tĩnh, người xã Vĩnh-mỗ, huyện Yên-lạc, phủ Tam-đái, tỉnh Sơn-tây. Năm 24 tuổi thi hương đỗ nhất cử. Thi hội đỗ đồng tiến-sĩ khoa mậu-tuất, 1478. Làm quan đến Công-bộ tả-thị-lang. Là ông nội Dương-đôn-Quỳnh (*Đăng khoa lục*, quyển 1, tờ 26 a, chép là Quỳnh ; đến quyển, 2, tờ 35 a, chép là Cương), đỗ đệ nhị giáp tiến-sĩ khoa đinh-mùi 1547. : ông cháu đều đỗ đại-khoa (*Đăng khoa lục*, quyển 1, tờ 26 a, quyển 2, tờ 35 a ; *Đăng khoa bị khảo*, thu-tập thương, tờ 51 a).

41. — Nguyễn-đức-Định, người xã Văn-chương, huyện Lập-thạch, phủ Tam-đái, tỉnh Sơn-tây. Năm 35 tuổi, đỗ đồng tiến-sĩ khoa mậu-tuất, 1478. Làm quan đến thị-lang (*Đăng khoa bị khảo* thu-tập thượng, tờ 56 b). *Đăng khoa lục*, quyển 1, tờ 26 a, chép ông làm quan đến viên ngoại-lang.

42. — Trần đức Trinh, người xã Thạch-lỗi, huyện Sơn-vi, phủ Thao-giang, tỉnh Sơn-tây. Năm 25 tuổi, đỗ đồng tiến sĩ khoa mậu tuất 1478. Làm quan đến thị lang. (*Đăng khoa bị khảo*, thu-tập thượng, tờ 75 b). (*Còn nữa*)

Ứng hòe NGUYỄN VĂN TỐ

TRA NGHĨA CHỮ NHO

Ứng-hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

CÁI « như ý » vừa biểu hiệu cả chữ phúc, chữ lộc : thế thì trong bộ « tam đa », người nào cầm như ý gọi là ông phúc hay ông lộc cũng được.

Con hiêu là biểu hiệu cho tuổi thọ, vì người Tàu thường bảo con hươu sống lâu. Chữ nho là lộc, đồng âm với chữ lộc là bổng lộc.

Trong *Kim thạch sách* có vẽ một đồng tiền, trên chữ phúc, dưới con hươu, giảng được hai lối : một là phúc với thọ, hai là phúc với lộc.

Có đồng tiền một mặt khắc bốn chữ « nhất phẩm đương triều », nghĩa là chúc cho người ta được làm quan nhất phẩm ở chốn triều-đình. Trên lại khắc hai chữ « thiên phủ » là cung điện nhà vua. Khắc như thế là chúc cho người ta làm quan to ở gần vua. Còn một mặt khắc bốn chữ « Trạng nguyên cập đệ », nghĩa là đi thi đỗ trạng-nguyên.

Những người thi đỗ cử nhân gọi là đi thi hương, đỗ cử nhân rồi vào kinh thi gọi là thi hội, sau khi đã trúng ba kỳ hoặc bốn kỳ thi hội, vua ra đầu bài thi một kỳ nữa gọi là thi đình : đỗ cả thi hội thi đình gọi là tiến-sĩ. Trong bảng đỗ tiến-sĩ có chia ra ba bậc : bậc thứ nhất gọi là tiến-sĩ cập đệ, bậc thứ hai gọi là tiến-sĩ xuất thân, bậc thứ ba gọi là đồng tiến-sĩ. Trong bậc thứ nhất lại chia ra ba hạng ; người đỗ đầu gọi là trạng-nguyên, người thứ hai gọi là bảng-nhỡn, người thứ ba gọi là thám-hoa. Ấy là nghĩa chữ trạng-nguyên như thế ; còn chữ « cập đệ », nghĩa đen là kịp bậc (kịp cái bậc của triều-đình đã định), nghĩa rộng là thi đỗ. Thế mà ông Chavannes dịch chữ « trạng-nguyên cập đệ » là « chúc ông đỗ đầu ở khóa thi bậc thứ ba, đi đến chỗ nhà vua ở ». (Avec le titre de premier à l'examen du troisième degré, puissiez-vous aller à la demeure princière !) Chữ «đệ» đây là thi đỗ, không phải « đệ » là nhà.

Ở mặt trái đồng tiền có khắc hai chữ « thiềm cung », nghĩa là cung của con cóc ba chân. Tại sao lại nói đến con cóc ba chân ở chỗ này ? Tại nó là loài vật ở trên cung giăng, mà cung giăng thì ai ai cũng biết là có cây quế : quế nở hoa về mùa thu, mà đến mùa thu mới thi hương, cho nên người ta ví câu « bẻ cành quế ở thiềm-cung » là thi đỗ cử-nhân.

Quyển *Hàn-thử lục thoại* chép : « Người đời gọi thi đỗ là bẻ quế, về sau có thuyết trong cung giang có cây quế, cho nên lại dùng chữ « nguyệt quế », cây quế cung giăng. Trong cung giăng lại nói có con cóc, nên lại gọi người thi đỗ là « đăng thiềm cung », lên cung cung giăng. Xét ra chữ «triết quế», bẻ quế, chỉ nói người đi thi đỗ mà thôi, chứ không nói riêng về thi hương ; đời sau quen tục vì cây hạnh là thi hội, cây quế là thi hương, thì nhầm ».

Có một đồng tiền, một mặt khắc cây quế và nhiều người đương muốn bẻ cành ; một mặt có câu : « Ngạn ngôn đan quế phiêu hương tảo, duy nhĩ cao phan đệ nhất chi », nghĩa là tục-ngữ nói có cây quế đỏ hương bay sớm, duy nhà ngươi với cao lên được cành thứ nhất ». Câu ấy là chúc cho người đi thi được đỗ cao.

Lại có một cái lọ chấm con cá chép vượt lên trên mặt nước, trước mặt có cửa, viết hai chữ « Long môn », cửa rồng, và viết một câu « Lý ngư khiêu Long môn » nghĩa là cá chép nhảy qua cửa rồng. Sách *Bội văn vận phủ* chép : những cá nhảy qua cửa Long môn thuộc tỉnh Hà-nam bên Tàu, thì hóa ra rồng. Chúc người đi thi được đỗ cũng hóa như thế. Thế thì cá chép với cửa rồng là biểu hiệu thi đỗ.

Nội các tước phẩm triều-đình, có chức thái-sư và thiếu-sư là cao hơn hết, vì chức ấy là dạy thái tử (đây là dịch theo ông Chavannes ; trong *Từ-nguyên* thì chức thái-sư là dạy vua, không phải dạy thái-tử). Theo lối « chơi chữ » thì người ta vẽ con sư-tử lớn và con sư-tử nhỏ (chữ sư là sư-tử thì có thêm bộ khuyển một bên, đồng-âm với chữ sư là thầy). Người ta vẽ như thế là chúc cho nhau làm quan to thứ nhất thứ nhì trong triều đình.

(*Xem tiếp trang 21*)

Nhà in

TRI-TÂN

Nhận in đủ các thứ rẻ và đ

Giá tính phải chăng

Cách ứng-dụng cái phương-pháp kia

SỐ 4

NGUYỄN-TRỌNG-THUYẾT

b) Nếu cùng trong một họ, cái At-xít mới tìm thấy nó có nhiều Ốc-o hơn At-xít...ơ, mà lại ít Ốc-o hơn At-xít...ich thì sẽ kêu nó là At-xit Hôp...ich.

Tỷ dụ: At-xit Hốp-Sich, nhiều Ốc-o hơn At-xit Sơ, mà lại ít Ốc-o hơn At-xít Sich.

An-hy Hôp sích có lẽ có, vì có At-xít Hôp-sích, nhưng người ta chưa chế ra được. Hay là nó không có?

c) Nếu cùng trong một họ, cái At-xít mới thấy lại nhiều Ốc-o hơn At-xít...ich, thì sẽ gọi nó là At-xít Be...ich.

Tỷ dụ: At-xít Be Cờ-lich (Acide perchlorique)

Trong họ Cờ-lo hiện giờ có bốn At-xít. Theo các thứ tự ít nhiều Ôc-o của chúng mà xếp thành ra cái bảng này:

1·) At-xít Hôp Cờ-lơ: Acide Hypochloreux.

2. At-xít Cờ-lơ: Acide Chloreux

3·) At-xít Cờ-lich: Acide Chlorique

4·) At-xít Be Cờ-lich: Acide Perchlorique.

Giả thử, trong họ Cơ-lo, sau này người ta còn kiếm được ra một thứ At-xít ít Ôc-o hơn At-xít Be Cơ-lich, mà lại nhiều Ôc-hơn At-xít Cơ-lích, thì mình sẽ có thể gọi nó là:

At-xit Hôp-be Cờ-lich (Acide hypoperchlorique).

Giả thử tìm thấy một thứ At-xít lo nhiều Ôc-o hơn At-xit Be Cờ-, mình có thể gọi là:

t-xit Si-be Cờ-lich, (Acide su-chlorique).

Hay là:

At-xít I-be Cờ-lich (Acide hyperchlorique·)

Đó là phiên âm tiếng pháp mà đặt. Nghe nó còn giòng dài. Nếu mình muốn, không thiếu gì cách đặt gọn gàng hơn. Tỷ dụ, đáng gọi At-xít mình sẽ gọi là Xít không thôi, đáng gọi là Sy be, I be, mình sẽ gọi là Sip, Ip. Thế là hẳn còn muốn đựa vào cách xưng hô của Pháp, của Vạn quốc.

Nếu mình muốn đặt tên các Hợp tố một cách riêng biệt hẳn, mà lại gọn gàng hơn nữa thì mình sẽ chọn riêng một bộ hậu âm (une série de terminaisons spéciales) để đặt tên cho các At xít. Khi đó chữ At xít, hay chữ xít cũng không cần nữa, vì có các hậu âm riêng nó chỉ rõ rồi, cũng như người Pháp có ba cái âm At, It, Ure để chỉ thứ-tự các loài Sen (Sels) rồi, thì chữ Sen không cần nữa. Nói sulfates, sulfites, sulfures đủ rõ là các thứ Sels rồi.

Đến đây, chắc độc giả đã hiểu cách đặt tên các Hóa-vật ra làm sao rồi. Đặt làm sao cho có thứ tự liên can thúc bá, đọc lên thấy rõ đời trước đời sau; nghành trên ngành dưới, chi trưởng chi thứ, con cả con út là được.

Bởi phải đặt cho có thứ tự như thế, nên tôi mới gọi những chữ tên ấy là Đẳng-cấp danh-từ.

Khỏi phải biên tên các Bản (Bases) các Sen (sels) cũng tên các Hợp tố không có Ốc-xo ra đây nữa.

Đã là Đẳng-cấp danh-từ thì cứ đặt làm sao cho có thứ-tự đọc lên thấy hạng thứ minh-bạch là được. Trong bài Adaptation tôi đã có đặt tên cho tất cả các Hóa vật rồi, đây khỏi phải nói lại, sợ bài dài quá.

Chắc độc giả cũng nhận thấy rằng cách xếp đặt các Hóa vật ra hai ngành, những vật có Oc-o và những vật không có Ôc-o; cùng cách đặt tên cho các Hợp tố của Hóa học theo Âu-châu hiện thời chưa lấy gì làm tinh-vi hoàn-hảo. Không được hoàn hảo là vì mỗi thế kỷ biết thêm một ít Hóa-vật, thì lại phải ghép chúng thêm vào các

VĂN-LIỆU TỪ ĐIỂN

Những thành-ngữ và từ ngữ của ta trong các thơ văn xếp đặt lại thành một pho từ điển, *rất tiện cho sự tra cứu trong khi đọc sách* và *nhất là cho các học-sinh học khoa quốc-văn trong các trường.*

của Long-Điền NGUYỄN VĂN MINH

Tựa của Cụ Đốc Ôn-Như NGUYỄN VĂN NGỌC

Sách khổ rộng 16 × 25, ngót 400 trang

Giá bán lẻ . . . . . 5$00

Vị nào gửi tiền đặt mua trước ngày 1er Mai 1943, xin biếu 10·/. cước phí không phải chịu.

Những giáo-sư các trường công tư, đặt tiền mua trước từ 10 quyển trở lên xin biếu 20·/. cước phí không phải chịu.

Thư và ngân phiếu xin gửi và đề rõ:

Ô. Quảng-vạn-Thành { *16, Phố Lê Lợi — HANOI*
51, Doumer — HAIPHONG

vật đã biết từ lâu rồi, và đặt tên cho chúng ghép vào đó, nên còn lủng củng chưa được nhất luật.

Đó là cái triệu chứng rằng sau này Hóa-học còn tấn phát nhiều, còn nhiều hóa-vật hiện thời người ta chưa biết. Biết nhiều nữa, bằng ba bốn phần bây giờ có lẽ sẽ phải xếp đặt lại, và đặt tên lại.

Tỷ-dụ phải xếp đặt các hóa vật như thế này :

A) Các Nguyên-tố :

a) Kim

b) Thổ

c) Vân, vân.

Nếu mình biết các Nguyên-tố một cách tinh-tường hơn, có lẽ sẽ thấy chia các Nguyên-tố ra hai hạng như bây giờ là không hợp với sự thực.

B) Các Hợp-tố :

a) Những hợp-tố bởi hai Nguyên-tố mà thành ra.

b) Các Hợp-tố bởi ba Nguyên-tố mà ra.

c) Các Hợp-tố bởi bốn Nguyên-tố mà ra.

d) Vân, vân.

Trong mỗi một hạng Hợp-tố sẽ có những vật tương-tự như các Oc-xit, At-xit, Bản, Sen vân vân, như các Hợp-tố có Oc-o.

Hay là trong mỗi hạng Hợp tố lại phải chia ra nhiều thứ Hợp-tố tuỳ theo Kim là chủ hay Thổ làm chủ. Kim làm chủ, sẽ dựa vào tên Kim mà đặt tên họ sẽ dựa vào tên Thổ ở trong Hợp-tố nhiều hay ít mà phân biệt chi, thứ.

Hiện giờ chỉ có thể nói đại khái cách xếp-đặt hóa-vật, cùng cách đặt tên cho chúng như thế thôi, không thể nói rõ một cách tỉ-mỉ hơn được, vì muốn xếp lại theo một thứ-tự mới còn cần phải làm nhiều thí-nghiệm (expérimentations) xem sự thực ra sao đã.

Nhưng dầu sẽ xếp đặt các Hóa-vật theo một thứ-tự nào nữa thì cũng phải đặt tên cho chúng theo cái thứ-tự ấy một cách minh-bạch có mối-manh liên-can thúc-bả để khi hô lên thấy nay cái thứ tự đẳng cấp ở trong.

Đó là cách đặt các Đẳng-cấp danh từ.

b) Hóa-học chuyên-môn từ.

Ngoài những Đẳng-cấp danh-từ là những chữ chuyên môn nhất định phải đặt ra một cách rất miễn cưỡng (très conventionnels) nước nào cũng vậy (conventions préalablement fixées) để cho thấy có thứ-tự ở trong ; thì những chữ chuyên môn khác của Hóa học có thể đặt :

1·) theo lối Việt hóa tiếng pháp, tiếng âu

2·) theo lối dịch nghĩa mỗi tiếng chuyên môn của Pháp bằng một chữ thường-ngữ, hay bằng một câu thường-ngữ của ta, rồi rút lại mỗi câu thành một chữ.

Tùy theo từng trường-hợp, có khi dùng lối dưới tiện lợi hơn, lại có khi phải dùng hỗn-hợp cả hai lối trong một chữ.

(Còn nữa)

NGUYỄN-TRỌNG-THUYẾT

ĐÃ CÓ BÁN

Một quyển sách mà ai ai cũng nên đọc, dầu là người mạnh, người hồi yếu, người bị lao.

BINH HO LAO

những phương pháp ngừa lao, săn sóc người phổi yếu và tiếp dưỡng người bị lao
Giá 1$00

của Bác-sĩ LÊ-VĂN-NGÔN

TỔNG PHÁT HÀNH :

Hànội : *Hiệu sách Đông-Tây 195 Hàng Bông*
Huế : *Hiệu sách Văn Hòa 29 Maréchal Pétain*
Saigon : *Nhà sách Nguyễn-khánh-Đàm, 12 Rue Sabourain.*

Có in ít bản giấy đẹp hảo hạng. Xin hỏi nơi Ông Nguyễn Khánh Đàm.

MUỐN HIỂU ĐẾN NƠI ĐẾN CHỐN

MỘT DANH-TỪ, MỘT THÀNH-NGỮ, MỘT MÔN HỌC THUẬT

Các bạn cần phải đọc tập tài-liệu

BÁCH KHOA ĐẠI-TỪ-ĐIỂN

của Quốc-Học Thư-Xã

Đón coi : tập SỬ-HỌC của cụ Lại-Bộ PHẠM-QUỲNH

NĂM ngoái, Hội-chợ Hanoi, Thư-viện Trung-ương (Bibliothèque P. Pasquier) đã trưng bày các tài-liệu về sử-ký, chung cả xứ Đông-dương ở nhà Bảo-tàng Maurice Long, chắc các bạn đọc Tri-Tân, ai đã để ý tế-nhận, hẳn cũng biết rằng những tài-liệu đem trưng-bầy ấy, đối với sử học, thực là quí-giá vô cùng; nó đã giúp ích cho các nhà sử-học, không phải nhỏ vậy.

Năm nay, Hội chợ Saigon, Đông-dương Học-hội (Société des Etudes Indochinoises) lại có một tòa nhà lộng lẫy để trưng bày các tài-liệu về sử-ký riêng cho xứ Nam-kỳ. Cứ xem những tài-liệu ấy, thì các nhà sử-học đã sưu-tầm được ở các Thư-viện, Bảo tàng viện, cùng các Học-hội trong khắp cõi Đông dương và các nơi như: làng Tân an, Thiện mỹ và Thông hòa ở Cần thơ; làng Thanh bình ở Mỹ tho; làng Long châu ở Vĩnh long; làng Bình hương Tây ở Gò công; làng Vĩnh tế và chùa Svaisor ở Châu đốc; Hội quán Quảng đông và chùa Minh hương Gia thạnh ở Chợ lớn. Thực là gom góp rất công phu, bày biện lại ngăn nắp, khiến ta vào coi đó, tưởng tượng như mình đã sống vào hồi trước đây mấy trăm năm vậy.

Tòa nhà trưng bày về Lịch sử chia làm hai lớp: Ngoài 2 ngăn, trong 3 ngăn. Mới thoạt vào, bên tay trái, là nơi xứ Nam kỳ còn thuộc xứ Khmère hay Thủy Chân lạp (Epoque Khmère). Ở giữa có treo bản đồ chỉ cho ta biết các nơi có dấu tích về tiền sử (Sites préhistoriques) cùng các chùa, tháp, hoặc lâu đài của người Khmère còn sót lại. Xem bản đồ này, ta thấy có chua hồi trước Tây lịch đất này thuộc nước Fou Nan (Phù nam), thế kỷ thứ tám thuộc nước Tchen-la d'eau «Thủy Chân lạp». Còn ở các tủ kính thì bày các thứ búa đá, đá mài và niêu gốm, vại sành ở các hang: như cù lao Rùa, Đông-thanh, Lộc-giang, núi Sấp, cù lao Phố và Xuân-lộc. Lại có những tượng đá như đầu tượng Yaksa, Surya, tượng Phật Bà-la-môn chạm trổ rất linh hoạt, có tượng phật bằng vàng dát mỏng, có các thứ bạc đồng cũ của người Cao-miên, các thứ đồ sứ, đồ đồng, đồ sành và đồ chạm trổ, các thứ vải lụa của người Cao-miên, vào thế kỷ thứ chín, hồi lập ra chùa Đế-thiên Đế-thích (Angkor) cùng dân số Cao-miên còn ở lại trong đất Nam kỳ là 400.000 người, v. v...

Ngăn bên phải là thời kỳ chúa Nguyễn tới khai thác xứ Thủy-Chân-lạp (Epoque annamite) có bốn bản đồ chỉ các cuộc Nam-tiến của các đời chúa Nguyễn. Bản thứ nhất: chua năm 1777 chúa Nguyễn Ánh tới xứ Nam-kỳ; hai lần thất thủ thành Saigon vào tháng ba năm 1776 và tháng tư 1777, rồi lại lấy lại vào tháng sáu năm 1776 và cuối năm 1777; sự thất trận ở Tai-phu tháng năm, năm 1777 và cuộc tái hồi của chúa Nguyễn-Ánh.

Bản đồ thứ hai: chúa Nguyễn-Ánh bình định Saigon từ năm 1778 đến 1781, lần thứ ba thành Saigon lại bị quân Tây-sơn chiếm vào tháng tư năm 1782; trận đại bại của chúa Nguyễn-Ánh ở Ngã-tư, rồi phải lánh ra đảo Phú-quốc tháng năm, năm 1782.

Đến tháng chín năm 1782 ông Châu-văn-Tiếp lại đánh lấy lại được thành Saigon, chúa Nguyễn-Ánh lại về đóng ở thành ấy.

Bản đồ thứ ba: Ghi sự thất bại ở Đồng-tuyên, Mũi-đá-chồng và Poulo-condore; sự gặp gỡ đức Cha Bá Đa-Lộc ở đảo Phú-quốc; quân Tây-sơn vây chúa Nguyễn Ánh ở đảo Phủ quốc, Pou-condore, Koh-cut, Hòn-chong và Poulo-Panjang.

Bản đồ thứ tư: chúa Nguyễn-Ánh khi ở Bangkok và cầu-cứu quân Xiêm; sự thắng trận ở Kiên-giang, Trấn giang, Ba-thắc, Trà-ôn, Mang-thít, Sadéc, Barai và Trà-tân; đức Cha Bá-Đa-Lộc đem Hoàng-tử Cảnh sang Tây cầu viện; sự thất trận ở Rạch-gầm, ở Poulo-Panjang; rồi lại trở sang Bangkok. Các thế trận vẽ vào bản đồ đều dùng những mũi tên xanh đỏ để chỉ sự đi về, thua được ở những chỗ nào, cùng ngày tháng vào khoảng nam nào, rất rõ ràng. Thực là một bản đồ vẽ rất công-phu.

Ở 2 bên tường, ta còn nhận thấy chân dung ông Chaigneau, ông Dayot, và bản đồ thành Gia-định năm 1799 do ông Dayot vẽ năm Gia-long 14; hình; Hoàng-tử Cảnh và đức Cha Bá-Đa-Lộc với mộ ngài, mộ ông Dayot và mộ ông Vannier ở vùng Gia định.

Nơi các tủ kính, ta nhận thấy có những tờ sắc, chiếu, biểu, truyền và các huấn lệnh của đức Nguyễn Ánh ban cho các võ quan cao cấp của ngài như ông Lê van Duyệt, ông Võ Tánh, ông Võ di Nguy, ông Lê van Có, ông Mai Tiến Huệ và ông Nguyễn văn Hậu (năm Cảnh hưng thứ 57).

Trong các chiếu, sắc ấy hoặc bằng chữ nôm, hoặc bằng chữ hán, tôi có chép được một vài đạo như sau nầy:

Tờ dụ quân-sĩ của đức Gia-long

Sau khi thành Qui-nhơn bị vây hãm (năm 1802), vua Gia-long có ban tờ dụ này bằng chữ nôm để kêu gọi lòng trung-thành của tướng sĩ. Tôi xin dịch âm ra đây. Hễ chỗ nào thiếu sót hoặc không biết rõ thì tôi để mấy cái chấm, còn chữ nào muốn chất nghi thì đánh cái dấu hỏi. (Những chỗ theo sau đều chung một lệ ấy).

«... (thiếu một chữ) *Tướng-sĩ đẳng hàm tri: Từng nghe thần-tử chi chức, sự bất từ nan, ấy là cổ kim thông nghĩ, vả ai nấy theo ta...* (thiếu hai chữ) *phó sự phó công, bất từ lao-khổ. Đến năm kỷ-vị, theo ta ra khắc phục Qui-nhơn, cũng đều hết lòng cổ-dũng thu hoạch, nãi thú (?) thủ thành ấy. Chẳng ngờ ác cây (?) vị tuyệt, phải ngụy tặc vây bách ai nấy đều khác tuân tướng-lệnh dĩ thủ tắc cố. Dù nhẫn gối bác...* (thiếu một chữ) *ai bền lòng kỳ ấy, ta đã để binh cứu giải, lại vi thế sở trở, vị tức tấu công, nên ta tưởng công kỳ sở ái, tập kích...*(thiếu một chữ) *ngụy, ắt chúng nó giải binh hồi viện; cũng là bất cứu chi cứu. Ai ngờ (?) thành trung thực tận, ai nấy đều nhập tha lung-lạc; mấy tháng dự bị...* (thiếu hai chữ) *ưu ái, chung thủy phất thâu. Tình trạng ấy, công lao ấy, ta đều đã chúc-chiếu thể tất. Đến ngày ai nấy hoặc khi nhân (?) mà thoát thân...* (thiếu hai chữ) *tất triệu tựu Phú xuân kinh ưu dưỡng. Vừa gặp ngụy trát tiễu binh, lại theo ta ra Lũy-Thầy, công phá tặc đảng, kiến lập thủ-công. Còn ai nấy ra...* (thiếu một chữ) *được, cũng ưng tòng chinh-phạt, lũ kiến quân công. Trong một đạo Hậu-quân: kẻ trong ấy, người ngoài này, kỳ công-trận huân lao diệc đồng nhất loạt...* (thiếu hai chữ). *Phụng truyền ngỡ (?) thỏa tấm lòng tư-luyến, ta cũng đã biết cho. Nhưng tưởng tiết rầy còn trở bắc-phong, hải-trình chưa tiện; huống nay Qui-nhơn, tặc thế...* (thiếu một chữ) *bách...* (thiếu một chữ) *quân, ai nấy ngoài này, thủy bộ đều tựu Thanh-hiếu binh-trường nhất đồng tiến-thảo; ai nấy trong ấy tu hãy hết lòng quốc...* (thiếu ba chữ).»

(Còn nữa)

Biệt-Lam TRẦN-HUY

TÒA NHÀ TRƯNG BÀY VỀ LỊCH-SỬ XỨ NAM-KỲ Ở

HỘI CHỢ SAIGON

NĂM 1942-43

Số 1

Biệt-Lam TRẦN-HUY-BÁ

TÙY HỨNG

BÊN HỒ

Xơ liễu cài xanh, gạo điểm hồng.
Quên đời, Cờ đại múa ung-dung!
Ý xuân giờ mới thêu trên những
Làn sóng rung-rinh đợt cỏ cong...

28 mars 1943
SONG-CỐI

NHỚ NHÀ

Chuông chùa dội tiếng trên non,
Lắng hồn du-khách nỗi buồn mênh-mông.
Trông lên, kìa áng mây hồng,
Nhớ quê-hương phút lạnh-lùng giăng soi.

Bà MỘNG-SƠN

VẤN ĐỀ DỊCH SÁCH

Số 4

ĐỖ-THÚC

Pháp văn. — Un mouvement respiratoire complet comprend deux temps : 1·) l'inspiration (introduction de l'air), 2·) l'expiration (expulsion de l'air). Ce double mouvement est suivi d'une courte période de repos qu'on évalue à 1/4 environ de la durée totale du mouvement respiration. Le nombre des mouvements respiratoires varie entre 16 et 24 par minute ; il est en moyenne de 18 à 19 chez un adulte normalement constitué.

Dịch nôm. — Một cái vận-động hô-hấp đầy đủ có 2 nhịp : 1·) hít vào (dẫn không-khí vào), 2·) thở ra (tống không-khí ra). Sau khi đã vận-động nhịp đôi như thế, có một lúc ngắn là thời-kỳ nghỉ-ngơi, người ta tính phỏng độ 1,4 cả thời-gian vận-động hô-hấp. Vận-động, hô-hấp đếm được bao nhiêu cái, không nhất định trong khoảng từ 16 đến 24 mỗi phút ; người trai trẻ mạnh khỏe như thường thì tính chung bình được từ 18 đến 19.

Chú thích. — Un mouvement respiratoire complet dịch nôm là thở một cái đầy-đủ cũng nghe được ; nhưng vì dưới câu còn có tiếng expiration là thở ra, cho nên diễn đúng nguyên văn là vận-động hô-hấp.

Air dịch là hơi cũng được. Nghe [illegible]i tiếng không-khí, người ta [illegible]ờng nghĩ nhầm không là không [illegible]gì. Không-khí có thể cắt nghĩa [illegible]hí-giới.

Ce double mouvement mà dịch [illegible]hai cái vận-động ấy cũng không sai ; nhưng trái với câu trên trong pháp-văn viết một cái vận-động (un mouvement respiratoire). Vì thế, nên dịch đúng tiếng pháp là vận-động nhịp đôi ấy.

Pháp văn. — L'eau est formée par l'union de l'hydrogène et de l'oxygène, le volume de l'hydrogène étant double du volume de l'oxygène.

Câu ấy diễn nôm có hai cách :

1) Nước là lập thành bởi sự hòa-hợp khinh-khí cùng dưỡng-khí, khối khinh-khí gấp đôi khối dưỡng-khí.

2) Khinh-khí và dưỡng-khí hợp thành nước, khối khinh-khí gấp đôi khối dưỡng-khí.

Hai câu dịch ra tiếng ta như vậy, tưởng cũng hiểu được cả ; câu thứ 2 có phần thuận tiếng ta hơn, vì nam-ngữ ít dùng những danh-từ nói về sự hành-động.

Hydrogène và oxygène theo chữ hán đã định rồi, nay được thông-dụng. Nhưng cứ căn-nguyên của chữ pháp mà dịch hydrogène là khí-sinh-thủy, oxygène là khí-sinh-toan, hay là sinh-chua, có nhẽ cũng không sai chân-lý chăng ? Các nhà khoa-học bên ta nên thử xét.

Đến đây xin dẫn mấy câu thử dịch trong khoa-học độ-số, cần sự suy-lý hơn qnan-sát, hoặc là sự thí-nghiệm.

Pháp văn. — Racine carrée. — Le carré d'un nombre est le produit de ce nombre multiplié par lui-même.

Ainsi le carré de 8 est 64 parce que $8 \times 8 = 64$.

Inversement la racine carrée d'un nombre est un autre nombre qui, multiplié par lui-même ou élevé au carré, reproduit le nombre proposé. Ainsi la racine carrée de 64 est 8 parce que $8 \times 8 = 64$.

Extraire la racine carrée d'un nombre c'est chercher par le calcul cette racine carrée.

Dịch nôm. — Rễ vuông. — Số vuông của một số nào là số ấy tự nhân thành được bao nhiêu.

Như vậy, số vuông của 8 là 64 vì $8 \times 8 : 64$.

Trái lại, rễ vuông của một số là một số khác tự nó nhân, hay là nâng lên số vuông, lại thành con số đã kể ra.

Như vậy rễ vuông của 64 là 8, vì $8 \times 8 : 64$. Nhổ dễ vuông của một số nào nghĩa là tính-toán để tìm dễ vuông ấy.

Chú-thích. — Racine carrée, cứ chữ hán dịch là phương căn, theo tiếng pháp mà diễn-nghĩa. Nay quốc-ngữ ta có thể cứ tiếng pháp mà dịch ra, tưởng có lợi cho sự học phổ-thông, vì dùng chữ hán đọc thành quốc-âm, lại phải cắt nghĩa bằng tiếng ta mới rõ.

Carrée d'un nombre, chữ hán đã dịch là phương-số, nghĩa là số vuông ; vậy tiếng ta có thể nói ngay là số vuông.

Còn tiếng extraire ở đây cần dịch đúng nghĩa đen là rút, hay là nhổ-

Giá báo

Mỗi số	0$20
1 năm	8 50
6 tháng	4 50
3 tháng	2 35

Công sở giá gấp đôi
Mua báo xin giả tiền trước

Pháp văn. — On appelle parallèles des droites qui, situées dans un même plan ne peuvent se rencontrer à quelque distance qu on les prolonge.

Dịch nôm câu ấy có 2 lối :

1·) Người ta gọi là những giòng bàng-hàng là những dòng thẳng ở cùng một khoảng bằng-phẳng, mà không thể gặp nhau được, dẫu kéo dài thêm xa cách bao nhiêu cũng vẫn thế.

2·) Người ta gọi là những dòng bằng-hàng là những dòng thẳng ở cùng một khoảng bằng-phẳng, dẫu kéo dài thêm xa cách bao nhiêu cũng không gặp nhau được,

Câu thứ hai xem ra gọn-gẽ hơn và đúng nguyên-văn hơn, vì không phải thêm-thắt nhiều tiếng thừa, như mấy tiếng, *cũng vẫn thế*, ở câu thứ 1.

Câu thứ 1 dịch theo tiếng pháp sắp-đặt, nhưng mẫu dưới nếu mà không chêm mấy tiếng *cũng vẫn thế ấy*, thì không thành câu.

Sách trắc-địa học (géométrie) có vẽ hình tượng thì người đọc mới dễ suy-lý mà hiểu rõ. Tỉ-dụ những luận-đề sau này với những nhời chứng-minh mà không vẽ hình những dòng rủ xuống với dòng thẳng thì nhẽ thực xem ra có chỗ còn lờ-mờ.

Pháp văn. — Théorème. — Deux droites perpendiculaires à une même droite sont parallèles. En effet, si CD et EF perpendiculaires à AB n'étaient pas parallèles, elles se rencontreraient en un certain point O par exemple, et de ce point on aurait alors deux perpendiculaires menées à la même droite, ce qui est impossible. Donc CD et EF ne pouvant se rencontrer sont parrlèles.

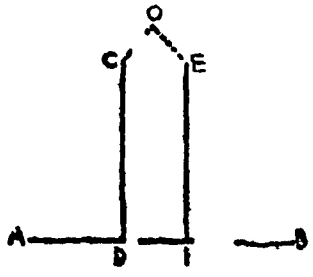

Dịch nôm. — Câu đề. — Hai dòng thẳng-cheo-rủ-xuống cùng

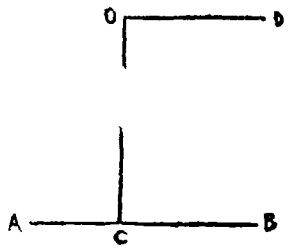

một dòng thẳng là hai dòng bằng hàng. Thực vậy nếu CD và EF cheo-rủ-xuống AB mà không bằng hàng thì sẽ gặp nhau ở một nơi ví-dụ là O, rồi tự nơi ấy người ta thấy hai đòng cheo-rủ-xuống cùng một dòng thẳng, như thế là không thể được. Vậy CD và EF không thể gặp nhau là những dòng thẳng bằng-hàng.

Pháp văn. — Théorème. — Par un point pris hors d'une droite, on peut mener une parallèle à cette droite et on n'en peut mener qu'une.

1·) Du point O pris hors de la droite AB, on abaisse OC perpendiculaire sur AB et du même point O, on élève OD perpendiculaire sur OC. Les deux droites OD et CB perpendiculaires, à la même droite OC sont parallèles.

2·) La seconde partie de la proposition, comme sous le nom de Postulatum d'Euclide, est considérée comme évidente. On la donne aujourd'hui comme un axiome.

Dịch nôm. — Câu đề. — Từ một chỗ đã chấm ở ngoài một dòng thẳng, người ta có thể vạch một dòng thẳng bằng hàng với với dòng thẳng ấy mà chỉ vạch được một dòng như thế mà thôi.

1·) Từ chỗ O, chấm ở ngoài dòng thẳng AB, người ta vạch OC cheo-rủ-xuống AB, rồi cũng từ nơi O ấy người ta vạch OD cheo-rủ-đến OC. Hai dòng thẳng OD, CB cheo-rủ-xuống cùng một dòng thẳng OC là đôi dòng thẳng bằng-hàng.

2·) Phần thứ 2 của câu đề gọi là nguyên-lý của Euclide tiên-sinh, người ta coi như nhẽ hiển-minh. Nay thời kể là một điều công-luận vậy.

Chú-thích. — Tiếng théorème, chữ hán chỉ dịch là đề; tiếng ta nên nói là câu đề; cứ như trắc-địa cắt nghĩa thì là một nhẽ thực mà chỉ có bài dẫn chứng-minh trước đã thì sau mới tỏ là thực vậy.

Tiếng perpendiculaire, cứ căn-nguyên tiếng pháp là dòng cheo-rủ-xuống, chữ hán trong quyển tự-vựng pháp-hoa của Couvreur đã dịch là truy-tuyến, dây rơi xuống. Mà cứ nhà trắc-địa giải nghĩa thì một dòng cheo-rủ-xuống một dòng khác là dòng kia gặp dòng này cùng làm nên đôi góc tiếp giáp đều nhau (ví-dụ hình nét số chữ ⊥ mà bỏ nét chấm). Vậy có thể nói là dòng số xuống. Nhưng cứ pháp-ngữ dịch thì rõ-ràng, một dòng cheo-rủ-xuống bao giờ cũng so với dòng khác nữa thì mới thấy như thế

(Xem tiếp trang

Triết-học thường-thức

NÓI VỀ PHÉP LUẬN

SỐ 1

NGUYỄN-ĐÌNH-THI

NÓI về phép luận là nói đến phần cốt yếu của triết học tây phương. Thực vậy các triết gia Âu-châu đều chú ý đặc biệt đến phần phương pháp là phần mà người Á-đông ta hay nhãng bỏ. Bởi vậy, muốn nhìn thấy rõ những cuộc chuyển biến trong triết học tây phương, không gì bằng phác qua cuộc tiến hoá của phép luận.

Mấy kỷ trước, chúng ta còn bận rộn với công việc định nghĩa, nên chưa vào sâu được trong một học thuyết nào. Kỳ này chúng ta sẽ không còn quanh quẩn ở chung quanh những vấn đề triết học, mà vào thẳng trong những nhời giải của các triết gia. Bạn đọc sẽ thấy rằng nếu biết nhận cho đúng con đường đi của phép luận, chúng ta nắm được tất cả những đầu mối của triết học rất dễ-dàng. Và bài này sẽ là một chiếc thìa khóa rất tốt để giúp bạn đọc mở được mọi cửa ngõ rất nhanh chóng.

Chúng ta đã biết rằng người xưa có một quan niệm *tĩnh* về vũ trụ. Không những người xưa, mà cả chúng ta ngày nay cũng quen [illegible]i sự thay đổi là phụ, và sự yên [illegible]h là chính. Chúng ta nghĩ rằng : [illegible]ng vũ trụ, vật nào là vật ấy : [illegible] chim lúc nào cũng là con chim, [illegible] bàng lúc nào cũng là cây bàng, [illegible]ời ta lúc nào cũng là người. [illegible] vật gì đã đen thì không thể trắng. Một vật gì đã sống là sống chứ không thể vừa sống vừa chết được. Tóm lại, trong vũ trụ, *vật nào cũng có tính-cách đồng-nhất (identique)*, nghĩa là lúc nào cũng giống lúc nào. Ta sẽ coi câu nói đó là một luật thiết yếu trong phép luận : ta gọi luật đó là *đồng nhất nguyên tắc*. Các học-giả có tóm tắt nó trong một câu rất gọn : « A là A ».

Tất cả những phép luận trong triết học cổ-điển đều lấy đồng nhất nguyên tắc làm căn bản. Trong khi bàn cãi, người ta cần tránh nhất cái mâu thuẫn vì mâu thuẫn trái với đồng nhất. Chẳng hạn nếu đã nói rằng một vật gì đen, ta không được nói là nó trắng nữa. Và nếu sau khi suy nghĩ và lý luận, ta thấy hai kết quả mâu thuẫn, ví dụ : « vật A vừa trắng vừa đen », thì bắt buộc ta phải tự coi là đã suy-nghĩ nhầm.

« Chỉ có cái *đồng nhất là thật* ».

Trọng sự đồng nhất và tránh sự mâu thuẫn, người xưa phát minh ra rất nhiều phép luận khác nhau. Trong bài này ta chỉ xét được đến những phép quan trọng nhất mà thôi.

***

Phép luận có thế lực nhất trong triết học xưa là luận lý hình thức của Aristote. Trải hai mươi bốn thế-kỷ (từ thế-kỷ thứ 4 trước Thiên-chúa đến cuối thế-kỷ thứ 19), nó giữ một địa vị đặc biệt trong triết học tây phương. Đã suy luận là người ta phải cần đến nó.

« Luận-lý hình-thức » coi vũ trụ là tĩnh. Kỳ trước ta đã thấy rằng Aristote dung hòa được hai ý niệm động, và tĩnh trong một cái bản thể. Ông nói : bên trong những sự thay đổi có một cái « cốt » không thay đổi. Cây đào kia dù thay đổi thế nào cũng vẫn là một cây đào. Trong sự vật nào cũng vậy, có một « bản thể », không đổi thay : ví dụ trong cây đào, có một « cái gì » làm cho nó lúc nào cũng là một cây đào tuy vẫn biến hóa : « Cái gì » ấy chính là bản thể của cây đào vậy.

Trong vũ trụ đã có những vật không thay đổi như thế thì ta có thể gọi mỗi vật bằng một tên nhất định và đặt ra những « khái niệm » (concept) nhất định hợp với từng vật một cho được tiện suy lý. Khái niệm là một ý tưởng chung thay mặt cho một sự vật gì ; ví dụ : khái niệm người, khái niệm đẹp, khái niệm vuông, tròn v. v...

Nói cho dễ hiểu hơn thì vũ trụ bên ngoài gồm có nhiều sự vật không thay đổi. Trong tiếng nói, mỗi vật đó có một tên. Trong trí nghĩ chúng ta, cũng có những ý tưởng giống như những tên ấy, để « gọi » sự vật : Những thứ tên trong tư-tưởng, ta gọi là khái niệm. Vậy khái niệm là ý tưởng ẩn trong một tên gọi nào. Chẳng hạn trong tiếng « người » có một khái niệm về người. Khái niệm ấy gồm có những tính chất : có hai chân, đứng thẳng, có trí nghĩ v. v...

Mỗi vật có một khái niệm *nhất định* thay mặt. Vì thế so sánh những khái niệm đó với nhau là so sánh sự vật với nhau vậy. Sự so sánh ấy chính là luận lý.

Có nhiều phép so sánh những khái niệm với nhau. Phép cao hơn hết trong luận-lý hình-thức là tam đoạn luận (syllogisme). Người ta hay dùng câu này để làm thí-dụ cho phép luận đó :

1·) Người nào cũng có lúc chết.

2·) Socrate là người.

3·) Vậy Socrate phải có lúc chết.

Luận-lý hình-thức không phải chỉ đơn-giản như vậy. Nhưng những nguyên tắc chính của nó cũng không cao hơn những điều phác trên đây được bao nhiêu. Hai nguyên tắc ấy, chúng ta đã biết là : « *tìm sự đồng nhất và tránh sự mâu thuẫn* ». Trải bao nhiêu thế-kỷ, người ta tin chắc rằng cái gì đồng nhất là thật. Và muốn tìm tới cái đồng nhất ấy, người ta dùng hết khái niệm này đến khái niệm khác, theo những nguyên tắc của tam đoạn luận, mà quên hẳn sự thật. Tin ở phép luận của Aristote, những triết gia trong thời kỳ trung cổ không tìm xem sự thật thế nào, mà chỉ cố gắng lý luận cho đúng với khuôn phép của người xưa.

Nhưng bắt đầu từ thế-kỷ thứ 16, người ta nghi ngờ phép luận của Aristote. Đem áp dụng nó vào sự thật, người ta thấy nó chẳng dẫn đến một kết quả nào đáng kể. Những nhà luận lý quả quyết lắm điều sai lầm : chẳng hạn, trái đất bẹt và đứng im trong vũ trụ v. v... Những cuộc thám hiểm của Christophe Colomb, Magellan, trên mặt đại dương, những điều phát minh của người Ả-rập, Ấn-độ, hay Trung-hoa du nhập Tây phương, làm đảo lộn cả tư tưởng người Âu thời đó và khiến cho khoa học phục hưng một cách rực rỡ.

Những nhà thông thái thôi chú trọng về luận lý, mà lấy thực-hành làm mục đích. Người ta mò mẫm tìm ra những phương pháp mới để biết sự thật. Galilée lắp được ống kính xem tinh tú, Copernic lật đổ quan niệm cũ về thiên văn học và dạy rằng trái đất tròn, xoay quanh mặt trời. Luận lý hình-thức bắt đầu sụp đổ.

Song có đổ là chỉ tam đoạn luận mà thôi. Các nhà triết học cổ giữ vững hai nguyên tắc căn bản của Aristote : *tìm sự đồng nhất, tránh sự mâu thuẫn* vì giữ vững cái căn-bản đó tức là giữ vững cái quan niệm « tĩnh » về vũ trụ mà ta đã có nhiều dịp nhắc đến, nghĩa là giữ vững tất cả nền triết học xưa. Người có công nhất trong việc đó chính là Bacon vậy.

***

Bacon là một triết gia người Anh-cát-lợi sống vào thế-kỷ mười bảy. Ông đã thấy luận lý hình thức sụp đổ. Ông lại thấy khoa học còn lung lay chưa vững. Đứng giữa, ông bèn dung hòa hai nguyên tắc cũ với phương pháp mới và đặt ra *nguyên tắc nhân quả* (principe de causalité).

Ông nói : trong vũ trụ không một vật gì là không có nguyên nhân. Tìm sự thật là tìm nguyên nhân vậy. Nhưng thế nào là nguyên nhân, và thế nào là kết quả ? Tại sao một nguyên nhân lại có thể tạo nên một kết quả ?

Ta đã biết trong vũ trụ có những sự vật riêng-biệt và đồng-nhất. Nói một cách khác thì trong trời đất, vật nào là vật ấy và khác hẳn những gì ở quanh nó. Chẳng hạn : lửa khác hẳn khói. Lửa có một bản-chất khác khói. Nhưng lửa đã khác khói thì tại sao lửa tạo sinh ra khói được ? Ấy là vì trong lửa sẵn có mầm khói rồi. Lửa tạo ra khói. Nguyên-nhân tạo ra kết-quả.

Vậy trong nguyên nhân có nhiều hơn là trong kết-quả.

Chỉ nguyên-nhân là có ảnh-hưởng được đến kết-quả. Kết-quả không thể làm thay đổi được nguyên-nhân. Không những thế, nguyên-nhân còn rộng rãi hơn kết-quả, và chứa đựng sẵn kết-quả bên trong nó nữa.

Mục đích của khoa-học là tìm đến nguyên-nhân vì biết nguyên nhân là biết được chân lý. Muốn tìm đến nguyên-nhân, người ta không những phải lý luận, mà còn phải dựa vào thực-nghiệm nữa. Bacon vạch ra ba phép tìm nguyên nhân, có dịp ta sẽ xét đến những phép đó sau. Hiện nay ta chỉ nên biết rằng những phép đó sau sẽ được công nhận trong khoa học giới.

Tóm lại, phép luận của Bacon dựa vào nguyên tắc nhân quả. Nguyên tắc ấy khiến ta coi vũ trụ là một bầu trong đó có muôn ngàn sự vật tĩnh, khác nhau về bản chất, và vật nọ tạo nên vật kia vì có một thế lực tiềm-tàng đủ giúp nó gây ra những kết quả. Mỗi kết quả đó lại là nguyên-nhân của trăm nghìn kết quả khác. Cứ như thế mãi, cái giây nhân quả vĩnh viễn không bao giờ đứt, không lúc nào tan.

(Còn nữa)

NGUYỄN-ĐÌNH-T

Kỳ sau :

Những điều phát minh quan của khoa học với những phép « động ».

Vấn đề « Học »

LỚP THÀNH-CHUNG VÀ TRƯỜNG CAO-ĐẲNG TIỂU-HỌC CỦA NGƯỜI PHÁP

NGUYỄN NHÂN

TA đã cầu-thả trong sự dùng những danh-từ về văn-bằng của người Nam.

Tôi còn nhận thấy tính cầu-thả ấy khi ta chỉ những văn-bằng của người Pháp.

Đã nhiều lần người ta công-nhiên dịch « Brevet élémentaire » là « bằng tiểu-học Pháp » và « Brevet d'enseignement primaire supérieur » là « bằng cao-đẳng tiểu-học Pháp », làm như đỗ B. E. rồi phải học mấy năm nữa mới thi được B.E.P.S.

Sự thực là hai văn-bằng ấy giá-trị tương-đương nhau và ngang với bằng D.E.P.S.I. của người Nam.

Tại sao người Pháp lại có những hai thứ bằng tương-đương như vậy ?

Theo chế-độ cũ trước những sự cải-cách năm 1942), học sinh Pháp đỗ sơ-đẳng tiểu-học rồi, có thể hoặc vẫn ở trong ngành tiểu-học, hoặc bước sang ngành trung-học.

Sang ngành trung-học, họ sẽ vào lớp 6 để sáu năm sau thi tú-tài phần thứ nhất.

Nếu ở lại trong ngành tiểu-học, thì một là theo những « lớp thành-chung » (cours complémentaires), hai là vào hẳn trường cao-đẳng tiểu-học (écoles primaires supérieures).

Lớp « thành-chung » gồm 2 năm học, đặt ngay trong trường sơ-đẳng tiểu-học, do hai giáo-viên có bằng « Brevet supérieur » trông-nom. Trường cao-đẳng tiểu-học chính thức có 3 năm học, biệt-lập trong một tòa nhà riêng, chứ không sáp-nhập vào một trường S.Đ.T.H. nào như kiểu những lớp « thành-chung ». Trường C.Đ.T.H. nào cũng phải có đủ một phòng thí-nghiệm, một phòng vẽ, một thư-viện, một sân thể-thao. Giáo-sư những trường ấy thuộc một ngạch riêng, có bằng cấp ngang với bằng cử-nhân. Bên Pháp, làng nào mà không có một trường S.Đ.T.H. ? Thường thường, làng nào to thì trường S.Đ.T.H. lại có cả những lớp « thành-chung ». Còn trường C.Đ.T.H. chỉ có ở những thành-thị thôi.

Về phần hình-thức, lớp « thành-chung » và trường C.Đ.T.H. khác nhau như vậy.

Về chương-trình học, lớp « thành-chung » phỏng theo chương-trình các trường C.Đ.T.H. nhưng có sơ-lược hơn. Muốn vào năm thứ nhất lớp « thành-chung » hay trường C.Đ.T.H., ngoài bằng sơ-đẳng tiểu-học ra, còn một điều-kiện nữa : đã học thêm một năm, hoặc ở lớp cao-đẳng năm thứ hai (C. Supérieur 2e année) trong trường S.Đ.T.H., hoặc ở lớp dự-bị (année préparatoire) trong trường C.Đ.T.H.

Hết 1 năm « ngoại-ngạch » và 3 năm « chính-thức » ở bậc C.Đ.T.H. (trường tỉnh), học-sinh Pháp thi « *Brevet d'enseignement primaire supérieur* » có chia ra nhiều ban (section générale, section agricole, section industrielle, section commerciale, section ménagère). Vì chia ra nhiều ban vì có nhiều môn chuyên-môn như thế, và vì còn phải học thêm cả sinh-ngữ (langue vivante) nữa, nên phải theo học một trường C.Đ.T.H mới có thể thi B.E.P.S. được.

Hết 1 năm phụ và 2 năm chính ở ban thành-chung (trường làng) học-sinh có học-lực suýt-soát một tám một mười với những người học hết 4 năm ở trường C.Đ.T.H. ; tuy vậy họ không thể thi B.E.P.S. được vì có vài môn họ không được học. Bởi thế người ta mới đặt ra cái bằng « *Brevet élémentaire* », trình-độ và giá-trị ngang với bằng B.E.P.S nhưng không chia ra ban nào, ban khác, không có những môn sinh-ngữ, thủ-công. Như vậy, học-sinh xuất-sắc nhất của ban thành-chung có thể dự thi và có nhiều hi-vọng đỗ « Brevet élémentaire ».

Tóm lại, B. E. P. S. cốt để cho những học-sinh chính-thức của trường C. Đ. T. H. Còn B. E. để cho những học-sinh xuất-sắc nhất của lớp thành-chung, để cho những tự-do thí-sinh, vì ai ai cũng thi được, không có gì chuyên môn cả.

Đấy, công-dụng và giá-trị của hai bằng B. E. và B. E. P. S. là như vậy.

Bậc C. Đ. T. H. Pháp tuy chính-thức có 3 năm, nhưng ta đừng quên cái năm « ngoại-ngạch » của nó..

Vì không biết đến cái năm học trung-gian, hoặc nối vào đuôi bậc S. Đ. T. H. hoặc chắp vào đầu bậc

C. Đ. T. H. của người Pháp, mà nhiều người Nam vẫn yên trí rằng B. E. hay B. E. P. S. dễ hơn D.E.P.S.I.

Một số đông học-sinh ta, mới hết năm thứ hai bậc C. Đ. T. H. Đông-dương, đã tấp-tểnh thi B. E. và B. E. P. S. rồi. Nhiều trường tư mở những lớp « đặc-biệt » để « luyện » những người mới đỗ tiểu-học, học 2 năm thi B. E. Nhưng thi hết năm này sang năm khác không đỗ, có tỉnh-ngộ thì cũng đã muộn rồi: những lớp « đặc-biệt » kia đã vơ vét được bao nhiêu tiền của những học-sinh ngờ-nghệch.

Tôi còn nhận thấy một số nhiều học-sinh an-nam nhà mình có lối học « chớp nhoáng » này: thi tiểu-học (C. E. P. C. I.) hỏng, vào ngay một trường tư-thục học « tắt » để 2 hay 3 năm sau thi B.E.; đến lúc thi hỏng (lẽ tất-nhiên!) lập tức học ngay lớp tú-tài để 1 năm sau khi thi hỏng B. E. đã nộp đơn thi « BAC », để mà không đỗ và để không bao giờ đỗ được cả. Cái đó có hề gì: ít nhất họ cũng có thể khoe khoang *là sinh-viên ban tú-tài*, khoe-khoang rằng họ thi tú-tài kia, chứ không thèm thi cái kém hơn.

Tôi mong rằng các bậc phụ-huynh nên ngăn cấm con em theo lối học « chớp nhoáng » như thế. Không đỗ tiểu-học, nên học lại một năm để thi nữa; phải bỏ cái quan-niệm sai-lạc rằng B. E. dễ hơn D. E. P. S. I.; chưa đỗ tiểu-học đừng có đàm bồ sang học B. E. làm gì. Có nắm chắc một bằng C. Đ. T. H. rồi hãy nên nghĩ đến thi tú-tài. Cái dễ còn chưa được, sao đã nghĩ đến cái khó?

May sao, cái lối học « tắt » này không còn áp-dụng được bao lâu nữa.

Với cuộc cải-cách 1942, những trường C. Đ. T. H. Pháp đã đổi thành những trường sơ-đẳng trung-học (collège): tuy nhiên, những người đang học dở dang vẫn còn theo chế-độ cũ cho đến khi đã học đủ các lớp trong bậc C. Đ. T. H., nghĩa là cho đến năm 1945. Từ nay cho đến năm 1945, vẫn còn thi «Brevet élémentaire» và «Brevet d'enseignement primaire sup.».

Bắt đầu từ 1942, lớp dự-bị của trường C. Đ. T. H. (année préparatoire E. P. S.) đã đổi thành lớp 6 trung-học: đến 1946 hết lớp 3, đáng lẽ thi B. E. hay B. E. P. S., học-sinh sẽ thi một trong hai bằng mới đặt ra: « Certificat d'études classiques » hay « Certificat d'études modernes ».

Bắt đầu từ 1942, muốn vào lớp 6 trung-học phải có « Diplôme d'études primaires préparatoires ».

Bắt đầu từ 1946, muốn lên lớp 2 trung-học phải có « Certificat d'études classiques » hay « Certificat d'études modernes ».

Rồi đến khi nào người ta buộc rằng phải có một trong hai bằng này, hay phải có học-bạ đủ hai lớp 2 và 1 trung-học mới được thi tú-tài, thì khi đó mới hết cái bệnh « học tắt » rất thông thường của một số học-sinh « tài-tử ».

NGUYỄN NHÂN (1)

1) Cùng về vấn đề « Học », đọc Tri Tân số 59-60-66 69 89. Riêng về bậc cao đẳng tiểu-học của người Pháp, đọc lại T. T. số 66.

Hút thuốc lá có hại chăng?

(*Tiếp theo trang 7*)

lý vì trong cơ-thể còn non-nớt, tế-bào còn đương sức hoạt-động không cần tới sự kích-thích của chất nhựa. Chẳng những thế mà thôi, sự kích-thích không phải thời ấy còn có thể làm hại cho tất cả cơ quan của thân-thể. Nếu ta tiêm chất nhựa cho thú vật, thì thấy rõ ràng mấy con thú còn nhỏ rất dễ bị chất này làm hại. Trong một trường Đại-học ở Bá-linh, có những 187 học-sanh phải bị gầy, ngực lép, lưng khòm vì hút thuốc lá quá nhiều. Ở học đường, trẻ nào không hút thuốc thường thông minh, lanh-lẹ và học hành mau giỏi hơn những trẻ cũng trong lứa mà hút nhiều thuốc. Mấy trẻ sau này thường lười biếng ít chịu hoạt-động và thường ốm-yếu xanh-xao.

***

Như ta đã rõ, hễ người nào hút thuốc lá mà thấy trong mình khó chịu, người nào có tim đau, phổi bịnh, những trẻ con dưới 16 tuổi thì không nên làn la với thần khói. Ngoài ra thuốc lá dùng có chừng mực không làm hại được.

Sau một bữa tiệc, một tách cà-phê thật nóng và một điếu xi-gà thật ngon há chẳng phải là những vật làm tang hứng thú? Hứng thú càng lên tới cực điểm, trong khi xa nước xa nhà nhằm bữa ngoài đường tuyết đổ lai rai, miệng ngậm ống điếu, hai chân gác trên mé lò sưởi ấm-áp, ta để quyển sách lại một bên rồi lim-dim nhìn theo làn khói thuốc bay ra cuồn cuộn...

Có ở vào cảnh này, ta mới thấy lời ca tụng sau đây của một thi-sĩ vô-danh không phải là ngoa: « Thuốc lá là một bạn thân của ta khi ta nghỉ-ngơi và khi ta làm việc, một bạn yêu mến của mấy vì vua chúa trong mấy biệt-thự nguy nga, của mấy gã nông-phu trong lúc dầm sương chải gió, của bao người chiến sĩ ở bãi sa trường mãi đợi bọc thây bằng da ngựa. Thuốc lá cũng là bà thi-thần (muse) đem lại cho văn-sĩ nhiều nguồn cảm hứng dồi-dào ».

Bác-sĩ LÊ VĂN NGÔN
(trong Tây Đô Văn Đoàn)

Trong một kỳ tới:
Lịch-sử cà-phê

KẾT-QUẢ CUỘC THI DỊCH THƠ DO TRI-TÂN TỔ-CHỨC

Thiên địa thương mang ách vạn hoa,
Cô phương cảnh cảnh chiếu trần sa.
Thử hoa tòng vị tùy phong trụy,
Độc điến hoang viên đấu vãn ba.

Đó là bài thơ *đề cúc* của Di-Uyên tiên-sinh in trong phụ bản số Xuân Tri-Tân : nghĩa không khó, song đem dịch thành thơ ta thì khó cho hết nghĩa. Trong các bài dự thi, bản-chí chọn được bốn bài sau này cũng có nhiều câu hay, nhưng tiếc rằng không bài nào toàn bích.

Trước hết bản chí xin thành-thực cảm-tạ những bạn làng văn khắp ba kỳ đã nhiệt-liệt hưởng ứng cuộc dịch thơ mà dự thi rất đông, rồi xin mạn phép hải nội chư quân tử, cắt nghĩa qua bài thơ này, chỉ cốt cho tiện việc phê-bình.

Câu thứ nhất. — Giời đất mênh-mông, các thứ hoa khác đều phải khốn-ách ;

Câu thứ hai. — Riêng thứ hoa thơm này trơ-trọi một mình, rực rỡ soi sáng đám cát bụi.

Câu thứ ba. — Thứ hoa này từ trước đến rầy chưa bao giờ chịu rụng mà bay theo gió ;

Câu thứ tư. — Một mình lùi lại sau ở chốn vườn hoang để thì-lì tiết muộn của hoa.

Nay xét mấy bài trúng cách đều chưa được toàn-bích cả, lẽ tất nhiên không có giải nhất. Dẫu vậy, theo nghĩa tương-đối, bản chí xin tính điểm-số mà xếp theo thứ-tự *giáp, ất, bính, đinh* ; rồi dưới mỗi bài, lại phụ thêm mấy lời lạm bình của ủy-ban điểm-duyệt.

Giáp-hạng

Trời xanh đất rộng tội muôn hoa!
Hương lỏi làng làng cát bụi lòa.
Hoa ấy chưa từng theo gió rụng,
Vườn quê rốn chọi nét tươi già.

PHẠM-ĐĂNG
Chez cụ Viên Già
Ga Phủ-diễn, Vinh

Lạm bình. — « Cát bụi lòa » : hỏng, tưởng như hương cúc bị cát bụi làm lòa.

« Vườn quê » : sai nghĩa. Nguyên-văn là « vườn hoang ».

Ất hạng

Sương mờ tàn-tạ trăm hoa.
« Thơm riêng » rọi cát vàng pha bụi hồng.
Đòi phen cơn gió hãi-hùng,
Hoa này chống-trọi, cảnh không rã-rời.
Vườn hoang đứng lại giữa trời,
Cùng loài nở muộn khoe tươi đọ mầu.

PHƯƠNG-MAI nữ-sĩ

Lạm bình. — « Thơm riêng » : chưa ổn.

Câu thứ tư : non, không mạnh bằng nguyên văn.

« Cùng loài » : lạc nghĩa, làm mất cái ý « một mình » của chữ « độc điến », và không ứng với chữ « cô phương » ở trên.

Bính-hạng

Trời xanh đất rộng mênh-mông,
Muôn hồng nghìn tía não-nùng cho hoa!
Vẻ riêng sáng rạng trần sa,
Xưa nay gió táp mà hoa như thường.
Một mình sót lại vườn hoang,
Sẵn lòng đấu chọi sắc hương cuối mùa.

Liên-Hồ cư-sỹ Bành Chấn Long
Chez Long-Hoà, Rue Việt-lợi, Việt-trì

Lạm bình. — Câu thứ hai : tối nghĩa và điệp ý (đã « muôn hồng nghìn tía » lại còn « hoa »).

« Vẻ riêng » : chưa ổn.

Câu thứ tư : non, nhất là hai chữ « như thường » lại càng kém nữa.

Hai câu sau cùng : khá, nhưng hỏng hai chữ « sẵn lòng ».

Đinh-hạng

Muôn hoa ay ó vì sương,
Sắc đâu lồng áng cát vàng riêng tươi
Gió cuồng chưa dễ tả tơi,
Vườn thơ, sẽ đọ hương giời về sau.

LÀNG-NGÂM-TỬ
Hạ-yên-Quyết

Lạm bình. — « Ay-ó » : tiếng cổ, nay ít dùng.

Câu thứ ba : mạnh-mẽ, nhưng theo cú-pháp mới thì hơi tối nghĩa.

Câu thứ tư : lạc nghĩa vì phải mấy chữ « sẽ » và « về sau ».

Bốn bài trúng cách trên đây, dịch âm đều đúng cả. Bản-chí xin có lời mừng ba văn hữu và một nữ-sĩ.

Như trong thể-lệ đăng ở Tri Tân số Xuân Quí-mùi, trang 33, đã nói, « ý nghĩa cuộc thi này là cốt để mua vui về mặt văn tự... », vậy xin các bạn đừng quá quan tâm về sự được hỏng.

Nay tuy không có giải nhất, nhưng bản chí cũng xin dựa theo những giải thưởng đã định trước mà châm-chước như sau :

Giáp-hạng	một năm báo Tri-Tân
Ất-hạng	nửa năm báo Tri-Tân
Bính-hạng	ba tháng báo Tri-Tân
Đinh-hạng	ba tháng báo Tri-Tân

Vậy trong số trúng-cách, địa-chỉ bạn nào chưa được đầy-đủ thì xin làm ơn biên lại mà gửi đến toà báo Tri-Tân để bản-chí gửi báo kính tặng.

***

Sau đây xin lục đăng hai bài dịch của bạn Cách-Chi, bản-chí biên-tập viên, cố nhiên là không dự-thí :

I

Xanh thẳm giời thu khốn bách hoa !
Còn trơ hương cúc dượm trần sa.
Tươi cười trước gió phô gân guốc,
Giữa chốn vườn hoang đấu sắc già.

II

Trăm hoa tàn-tạ buổi thu sang,
Độc cúc thơm tươi giữa bụi vàng.
Giò giật chưa từng rơi-rụng cánh,
Riêng khoe sắc muộn chốn vườn hoang.

***

Cuộc thi nay đã xong. Bản-chí xin tự coi là sơ khảo, để chất-chính cùng các bậc cao minh. Và xin có nhời thành-thực mời các tao-nhân mạc-khách ngài nào có bài dịch hay mà không muốn dự thí, xin cứ gửi cho bản-chí để cống hiến các nhà thích thơ.

TRI-TÂN

Điều luật cốt yếu và duy nhất của Chính-phủ là làm việc công ích.

Bổ chính

Trong bài « Hút thuốc lá » đăng kỳ này ở trang 7, cột 1, giòng 23, sót mấy chữ « *lưỡi bị ung thư* » dưới câu « làm cho trong nước tiểu có chất đường... »

Tra nghĩa chữ nho

(*Tiếp theo trang 9*)

Lại có một lọ dùng để chúc nhau một cách khiêm-tốn hơn : vẽ một cái « bình » để đựng và hình như « sinh » ra « ba cái kích » (tam kích), thì người ta đọc ra là « bình thăng tam cấp », nghĩa là « thẳng đường thang lên ba bậc », chúc cho nhau làm quan chóng thang.

Một tờ giấy viết thư vẽ một con cò (chữ nho là nhất lộ, quan thoại đọc là *yi lou*), xung quanh vẽ hoa sen mọc nhiều lắm (liên sinh, quan thoại đọc là *lien cheng*), đọc trạnh thành « nhất lộ liên thăng » (quan thoại đọc là *yi lou lien cheng* như nhất lộ liên sinh), nghĩa là chúc người làm quan thăng luôn một mạch.

Những đồ xứ thường chấm những biểu hiệu của văn nhân ngoạn thưởng là cầm (đàn), kỳ (cờ), thư (sách), họa (tranh vẽ) ; đàn và tranh vẽ là mỹ thuật của người có tài thông minh, sách là biểu hiệu người học rộng, cờ là lối giải trí của người cao thượng. Bên Tàu ngày xưa có người làm đùa bài thơ rằng : « Thư, họa, cầm, kỳ, thi, tửu, hoa, Đương niên phú túc bất ly tha. Nhi kim thất tự đô canh biến, Sài, mễ, du, diêm, tương, thố, trà », nghĩa là « sách, vẽ, đàn, cờ, thơ, rượu, hoa, năm xưa giàu khá chẳng lúc nào bỏ ; bảy chữ ấy ngày nay đều đổi là củi, gạo, dầu, muối, tương, giấm, chè » : nguyên-văn chữ nho in trong bài *The proverbs and common sayings of the Chinese* của ông Arthur H. Smith, đăng trong *The Chinese Recorder and Missionary Journal*, năm 1882, trang 326. (Lược dịch cuốn Edouard, Chavannes, *De l'expression des vœux dans l'art populaire chinois*).

(*Còn nữa*)

Ứng-hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

Muốn làm giàu mua vé số

Đông Pháp

1p.00 một vé

TIỂU THUYẾT LỊCH SỬ

ĐÊM HỘI LONG TRÌ

Số 14

NGUYỄN HUY TƯỞNG

BẢO Kim nói :

— Sao tôi lại ở ngoài ? Tôi phải vào phủ với anh em. Còn người ở ngoài, không ai hơn anh Trần Thành nữa.

Trần Thành cãi.

— Tôi có sức khỏe hơn cả anh em, lẽ nào lại giữ một chức nhàn ?

— Không phải chức nhàn. Quận chúa thoát hay không là ở trong tay anh. Muốn cho cẩn thận, ta cử thêm một anh nữa giúp việc anh Thành.

Cả bọn :

— Cử anh Vũ Hoành. Hai anh cùng ở một vùng.

Bảo Kim :

— Vậy thì anh Thành và anh Hoành đứng ở ngoài. Hai anh sẽ đi thuê xe. Còn anh Nghiễm, anh Hồ, anh Trực, anh Giao và tôi, cùng cậu Ấm Nghiệp vào trong phủ.

Trần Thành hỏi :

— Nhưng cần phải có hiệu chứ ?

Bảo Kim :

— Không khó gì. Tôi sẽ thổi còi ra hiệu. Còn gì nữa không ?

Hoàng đình Nghiễm :

— Ta nên tìm cách thông tin cho Quận chúa biết để Quận chúa yên tâm và khỏi kinh ngạc.

Bảo Kim nói :

Việc ấy tôi xin đảm nhận. Và chiều mai, trước khi khởi sự, xin anh em đến đây, uống vài chén rượu cho hăng.

Cả bọn đều nhận nhời. Họ từ giã nhau, ai về nhà nấy, mản người bao cũng sôi nổi một nguồn say sưa hăng đua.

V

Chúa Tĩnh Đô đi đi lại lại trong [illegible] chúa bị bao nhiêu lính [illegible] xe. Trông nét mặt cũng biết [illegible] đau khổ và cùng. Một lúc [illegible] thái giám chỉ thân của chúa là Khê trung hầu khúm núm bước lên thềm.

Tĩnh vương ra hiệu cho vào, và hỏi ngay :

— Ta hối vô cùng, nhưng không còn cách gì nữa. Nay ta cự hôn, thì không những Tuyên phi phẫn uất, mà ta còn mang tiếng trẻ con vơi thần dân. Các quan đàng sở can gián nhiều lắm, người nào cũng bàn nên hoãn việc hôn nhân, lấy cớ là Quận chúa còn nhỏ dại. Ý ngươi thế nào ?

— Tâu chúa thượng, cứ như ý ngu thần, ta nên hoãn rồi liệu cố thoái thác, chứ đem Quận chúa mà gả cho em Tuyên phi thì làm hại cả một đời Quận chúa. Quận chúa có được như ai ! Người hiền lành mà sức thì yếu. Chỉ e Đặng Lân là một kẻ thô bỉ, vũ phu...

Khê trung hầu chợt đứng im không nói nữa, trán vã mồ hôi. Tuyên phi vén rèm bước ra, dáng giận dữ, vẻ đẹp kiêu kỳ.

Tĩnh vương ngượng nghịu hỏi :

— Ái khanh ra đây làm gì ?

Nàng quỳ trước mặt chúa :

Thiếp vào tự tiện, tội thực đáng chết.

Chúa nâng nàng dậy.

Nàng khóc và nói tiếp :

— Xem ý thì chúa thượng phân vân vì cuộc hôn nhân của em tiện thiếp và Quận chúa. Đó là quyền ở chúa thượng, tiện thiếp dám đâu nài ép ? Làm cho chúa thượng ưu phiền, thiếp còn sống làm gì nữa.

Chúa thấy nàng rút trong bọc ra một vật gì sáng loáng đưa lên cổ. Nhanh tay, ngài giữ lấy thì là một con dao nhọn sắc như nước. Lòng ngài tan trong tình yêu, bao nhiêu ý phân vân bay hết. Ngài đưa mắt bảo Khê trung hầu lui ra, thân dìu Tuyên phi vào trong phòng, đặt lên một chiếc giường kê ở đó. Người nàng run run, mặt nàng xanh nhợt, nhưng đôi mắt đa tình dịu dàng nhìn chúa.

Tĩnh vương hỏi :

— Sao ái khanh lại nghĩ lẩn thẩn thế ?

— Xin chúa thượng cự hôn đi, em thiếp không xứng với Quận chúa !

— Đó là các quan đàng biểu xin cự hôn ta không có ý ấy.

— Chiều nay đã cưới, xin chúa thượng quyết đoán ngay cho, chúa thương cự hôn cũng còn kịp.

— Ái khanh đừng nghi ngờ. Tin vì quốc chi bảo, có lẽ nào ta lại nói sai nhời, để mang tiếng với thần dân bà hậu thế. Nhưng ta muốn nói với ái khanh một điều...

— Xin chúa thượng cho biết.

— Ái khanh không lạ gì con ta còn bé, mới 15, 16 tuổi, chưa phải đến tuổi gả chồng. Vả Quận chúa người ốm yếu luôn, thuốc uống quanh năm, mà vẫn không có lực. Ái khanh chắc cũng chẳng lạ gì thể chất Quỳnh Hoa. Nay ta định thế này : Cưới thì vẫn cho cưới, nhưng việc động phòng hoa chúc phải hoãn cho đến năm Quận chúa đầy 18 tuổi. Ý ái khanh nghĩ sao ?

— Tâu chúa thượng, chúa thượng nghĩ thế thật là chu đáo. Tình thương con của chúa thượng không mấy người bằng. Thiếp đâu dám không tuân theo ? Vả việc ấy, thiếp đã từng nghĩ đến. Thiếp đã nói rõ cho em thiếp, và đã dặn phải rất lễ tốn với Quận chúa. Đạo vợ nghĩa chồng, có phải là chuyện chơi đâu. Chúa thượng dạy thế, tiện thiếp hoàn toàn đồng ý...

— Ta muốn gọi quốc cữu vào đây nói chuyện, ái khanh nghĩ thế nào ?

— Em tiện thiếp đang chờ ở Bội lan thất. Xin chúa thượng cho nội giám vời đến.

Chúa đánh chuông gọi một người nội giám và truyền :

— Ngươi đến Bội lan thất triệu quốc cữu lại đây.

Một lúc lâu, Đặng Lân quỳ ở ngoài thềm, hồ muôn tuổi. Chúa truyền cho đứng giậy và cho vào. Lân lóp ngọp đứng lên, khúm núm đi vào, dáng dấp nặng nề, vẻ phàm phu xấu xí rõ ra một đứa tiểu nhân bần tiện. Ý từ hôn đã nguội trong óc Tĩnh vương, bấy giờ lại bốc lên. Ngài nhìn Tuyên phi, nghĩ thầm :

— Sao con Tạo lại oái oăm thế. Chị thì là thiên tiên, em thì là quỉ sứ !

Ngài cố nén mãi mới không lộ vẻ khinh bỉ trước cái hình thù ghê tởm kia. Tĩnh vương quay lại, chợt thấy Tuyên phi nhìn mình như có ý trách móc : Nàng thấu hết ẩn tình của chúa Tĩnh đó. Chúa cố nói giọng thân mật :

— Quốc cữu ngồi đấy, ta nói chuyện.

Đặng Lân dạ dạ, ngồi xuống. Tĩnh vương chậm rải nói :

— Quận chúa đương độ đào tơ liễu yếu. Chính ta cũng phải cưng chiều. Nay ta gả Quận chúa cho quốc cữu, để cho hai họ thêm thân, nhưng ta dặn trước, quốc cữu phải để dặt buổi đầu, và đúng như ngạn ngữ nói, phải « nâng như nâng trứng, hứng như hứng hoa » mới được. Nay Quận chúa mới có 16 tuổi ; ta cho cưới, nhưng lễ động phòng hoa chúc phải hoãn. Trong phủ, quốc cữu phải để riêng một lầu cho Quận chúa, từ nay đến năm Quận chúa 18 tuổi, Quốc cữu không được nhập phòng. Quốc cữu nghe ra sao ?

— Tâu chúa thượng, hạ thần nghe ra rồi.

— Ta sẽ cử hai vị đại thần đi theo Quận chúa, để dạy Quận chúa học tập lễ nghi và trông nom thuốc men cho Quận chúa. Quốc cữu muốn nói chuyện với Quận chúa phải hỏi qua hai vị đại thần ấy. Hai vị có cho mới được. Từ 18 tuổi trở đi, Quận chúa mới hoàn toàn là vợ Quốc cữu, và những lệ luật ta bắt Quốc cữu phải theo tự nhiên ta sẽ bãi đi. Lệnh ta đã ban, Quốc cữu phải tuân, nếu không ta sẽ cho đón Quận chúa về và nghiêm trị Quốc cữu.

— Dạ dạ, hạ thần xin tuân lệnh thánh.

(Còn nữa)

NGUYỄN-HUY-TƯỞNG

Vấn đề dịch sách

(Tiếp theo trang 15)

Tiếng point, chữ nho dịch là điểm, tiếng ta thì là chấm, chỗ, nơi ; mà tiếng chấm lại có nghĩa là ấn-định một nơi nào, hay là đánh dấu ngắt câu, hay một phần câu. Cứ nhà trắc-địa giảng-giải một điểm là nơi giới-hạn một dòng. Khi dịch nôm, ta có thể tùy nghi mà dùng tiếng điểm, chấm, chỗ hay nơi.

Tiếng droite, chữ nho dịch là trực-đạo, đường thẳng, hoặc trực-tuyến, dây thẳng. Tiếng ta diễn là dòng thẳng cũng rõ.

Ấy là mấy câu tiểu-chú về những tiếng trong nhà trắc-địa thường dùng. Nhân tiện xin nói thêm rằng : không bàn đến những chương-trình các trường học công từ hiện thời trong xứ ta, có mục-đích thiết-thực hằng ngày ứng dụng, và cần-thiết để học-sinh ứng-thi, các sách khoa-học độ-số bằng tiếng pháp mà đem dịch nôm ra hiểu được đầy đủ tỏ-tường, thì sẽ là những đồ dụng rất bổ-ích cho phần cách-trí tương-lai trong nước nhà mong có thể mở-mang.

(Còn nữa)

ĐỖ THÚC

Tiệc hàng năm của học-sinh trường Thông-ngôn cũ

Anh em đồng-học mà nhớ đến trường xưa bạn cũ, họp mặt hàng năm thì có lẽ ở Bắc-Kỳ này, học-sinh trường Thông-ngôn cũ khởi thủy.

Ngót 20 năm giời, mỗi năm một tiệc, mỗi tiệc một bài văn, khi thơ trường-thiên, thơ bát-cú, khi văn lục bát hoặc song thất lục-bát hay mưỡu nói đổi thay, kể đến nay cũng đã lắm lắm. Thế mà ngày ngày thêm mới, không năm nào giống năm nào, trông nếu không đối cảnh sinh tình thì viết văn cho được mới cũng khó lắm vậy.

Xem như bài văn sau đây của ông Thùy Thiên Ngô-bằng-Giực soạn để kỷ niệm tiệc xuân năm nay thì đủ biết

T. Đ.

Mưỡu

Dẫu rằng ngày tuổi một cao,
Xuân đi xuân lại năm nào cũng xuân ;
Trải bao cuộc thế xoay vần,
Mà tình hữu-ái mười phân vẫn mười.

Nói

Tiệc kỷ-niệm Thông-ngôn trường cũ,
Thiếu ai ai mà đủ những ai ai ?
Còn nước non, tuổi thọ còn dài,
Còn chuốc chén mua vui cùng chúng bạn.
Tranh bả năm châu cờ một ván ;
Giao tình bốn bể nghĩa nghìn xưa.
Sức ta giờ cũng khó ganh-đua,
Đành gánh vác âu thua chờ bạn trẻ.
Hãy cất chén chúc nhau mạnh khỏe,
Cuộc tuần-hoàn Trời để ngẫm mà coi...
Giống Hồng mầm Lạc muôn đời.

Hộp thư

Ô. Bạch Hồ Saigon. — Tri T[illegible] từ 1 đến 77 hãi còn chỉ th[illegible] những số 4, 5, 9, 10, 11, 14, 18, 41, 43, 46, 59, 63.

Sách của thư-xã

Alexandre de Rhodes

ĐÃ XUẤT BẢN

Thơ Ngụ ngôn La Fontaine

Bản dịch của ông NGUYỄN-VĂN-VĨNH, có cả Phap van đối chiếu.
150 trang đều có tranh ảnh của MẠNH-QUỲNH
Bìa 3 màu, khổ 17×23.
Bản thường 1$00 — Bản giấy Đại La 5$00

KIM-VÂN-KIỀU, tome I

Bản dịch và chú thích của ông **Nguyễn-văn-Vĩnh**
350 trang khổ 17×23
Bản thường 2$00 — Bản giấy Vergé bouffant *7$00*

Lược-khảo Việt-Ngữ

của ông Lê-văn-Hựu
Ngót 100 trang khổ 12×17
Bản thường 0$50 — Bản giấy giò 4$00

—*—

Sắp xuất bản, vào đầu tháng Avril

LE PAYSAN TONKINOIS

à travers le parler populaire

Bản Pháp văn của ông PHẠM-QUỲNH
100 trang, cả tranh ảnh của MẠNH QUỲNH
Bìa 2 màu, khổ 17×23
Bản thường 0$80 — Bản giấy Đại la 5$00

Tổng phát-hành **Mai-Lĩnh**

21 Rue des Pipes — Hanoi

ĐÃ CÓ BÁN : **ĐÀO-DUY-ANH**

*

TRUNG-HÓA SỬ CƯƠNG

(Từ đời thái-cổ đến ngày nay, quyển sách đầu tiên viết bằng quốc-văn về lịch-sử Trung-hoa là nước văn-minh xưa nhất Á-đông và đã làm thầy văn hóa cho nước ta trong gần hai mươi thế kỷ). Giá bán: 3$00

VĂN-HÓA

29, Maréchal Pétain — Hué

NGÔ TẤT TỐ

THI VĂN BÌNH CHÚ

QUYỂN THỨ I: 1$20

QUYỂN THỨ II: 1$50

Đã xuất-bản trong « Tủ sách Tao-Đàn »

Một bộ sách văn học có giá trị họp tập được hết tất cả những bài văn thơ có giá trị từ thế kỷ XV đến thế kỷ XIX. Bình chú rất công phu. Sách in cực đẹp.

Đã có bán

NHÂN LOẠI tiến hóa sử

của

BÁCH - KHOA

Dày trên 200 trang — Giá 1$80

Đang in

GỐC TÍCH LOÀI NGƯỜI

của Giáo Sư **Nguyễn-đức-Quỳnh**

Đó là 2 cuốn Nghiên cứu mở đầu cho một bộ sách đồ sộ mà ai cũng phải đọc để hiểu mình là gì.

HÀN THUYÊN PHÁT HÀNH

Tổng Đại-lý SAIGON CHỢ LỚN: Hiệu sách **Xưa Nay**, 62 Bonnard — Saigon

REVUE TRI-TÂN: Autorisée par arrêté du 8 Février 1941 de M. Le Gouverneur Général
Directeur: Nguyễn-Tường-Phượng Administrateur Gérant: Dương Tụ-Quán
Imp. Tri-Tân — 70, Bạch-Mai Hanoi